

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH CHIỂU

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC  
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH CHIỂU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

| TT | Họ và tên             | Chức danh, chức vụ   | Nhiệm vụ              | Chữ ký |
|----|-----------------------|----------------------|-----------------------|--------|
| TT | Họ và tên             | Chức danh, chức vụ   | Nhiệm vụ              | Chữ ký |
| 1  | Võ Như Ý              | Hiệu trưởng          | Chủ tịch hội đồng     |        |
| 2  | Dương Thị Hiền Trang  | Phó hiệu trưởng      | Phó chủ tịch hội đồng |        |
| 3  | Nguyễn Thị Như Trang  | Văn thư              | Thư ký hội đồng       |        |
| 4  | Phan Huỳnh Đoan Trang | Phó hiệu trưởng      | Ủy viên hội đồng      |        |
| 5  | Dương Thị Kim Dung    | Chủ tịch công đoàn   | Ủy viên hội đồng      |        |
| 6  | Bùi Thị Hà Tiên       | Tổ trưởng tổ Nhà trẻ | Ủy viên hội đồng      |        |
| 7  | Bùi Thị Bích Phượng   | Tổ trưởng tổ Mầm     | Ủy viên hội đồng      |        |
| 8  | Nguyễn Thị Thu Trang  | Tổ trưởng tổ Chồi    | Ủy viên hội đồng      |        |

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                       | Trang |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Mục lục                                                                                        | 1     |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                              | 3     |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                   | 5     |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                    | 10    |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                                                                           | 10    |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                          | 12    |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                             | 12    |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                  | 12    |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.                      | 12    |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác. | 15    |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.   | 17    |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.                     | 20    |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.                                                | 23    |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.                                        | 25    |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.                                          | 28    |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.                                                  | 31    |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.                                                 | 33    |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.                                    | 35    |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i></b>                                                         | 38    |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên</b>                                      | 39    |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                  | 39    |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.                                            | 40    |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.                                                               | 42    |

|                                                                                                            |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.                                                                           | 44 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i></b>                                                                     | 46 |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>                                                    | 47 |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                              | 47 |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.                                                           | 47 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.                             | 50 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị.                                                            | 53 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.                                                                       | 55 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.                                                                  | 57 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.                                                        | 60 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i></b>                                                                     | 62 |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>                                           | 63 |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                              | 63 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.                                                                | 63 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân của nhà trường . | 66 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i></b>                                                                     | 68 |
| <b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>                               | 69 |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                              | 69 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.                                                     | 69 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.                                      | 72 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.                                                     | 74 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.                                                                            | 77 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i></b>                                                                     | 80 |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>                                                                            | 82 |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>                                                                                    | 82 |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí    | Kết quả   |       |       |       |
|----------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                            | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                            |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b> |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1               |           | X     | x     | -     |
| Tiêu chí 1.2               |           | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 1.3               |           | x     | -     | x     |
| Tiêu chí 1.4               |           | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 1.5               |           | x     | -     | -     |
| Tiêu chí 1.6               |           | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 1.7               |           | x     | -     | -     |
| Tiêu chí 1.8               |           | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 1.9               |           | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 1.10              |           | x     | x     | -     |
| <b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b> |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1               |           | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 2.2               |           | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 2.3               |           | x     | x     | -     |
| <b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b> |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1               |           | x     | -     | -     |
| Tiêu chí 3.2               |           | x     | -     | -     |
| Tiêu chí 3.3               |           | x     | -     | -     |
| Tiêu chí 3.4               |           | x     | -     | -     |
| Tiêu chí 3.5               |           | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 3.6               |           | x     | x     | -     |
| <b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b> |           |       |       |       |
| Tiêu chí 4.1               |           | x     | x     | -     |

|                            |  |   |   |   |
|----------------------------|--|---|---|---|
| Tiêu chí 4.2               |  | x | x | - |
| <b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b> |  |   |   |   |
| Tiêu chí 5.1               |  | x | - | - |
| Tiêu chí 5.2               |  | x | - | - |
| Tiêu chí 5.3               |  | x | - | - |
| Tiêu chí 5.4               |  | x | - | - |

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt

Mức 1: 25/25; đạt tỷ lệ: 100%;

Mức 2: 14/25; đạt tỷ lệ: 56%;

Mức 3: 01/19; đạt tỷ lệ: 04%.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/25 tiêu chí - Tỷ lệ 0%.

**Kết quả:** Đạt Mức 1

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức 1

## Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Mầm non Bình Chiểu

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức

|                                                  |             |                              |              |
|--------------------------------------------------|-------------|------------------------------|--------------|
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương             | Hồ Chí Minh | Tên hiệu trưởng              | Võ Như Ý     |
| Huyện/quận/thị xã/ thành phố                     | Thủ Đức     | Điện thoại trường            | 0907.857.978 |
| Xã/phường/thị trấn                               | Bình Chiểu  | Fax                          | Không        |
| Đạt chuẩn quốc gia                               | Không       | Web                          | Không        |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2001        | Số điểm trường (nếu có)      | 01 điểm phụ  |
| Công lập                                         | X           | Loại hình khác               | Không        |
| Tư thực                                          | Không       | Thuộc vùng khó khăn          | Không        |
| Dân lập                                          | Không       | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không        |
| Trường liên kết với nước ngoài                   | Không       |                              |              |

### 1. Điểm trường (nếu có)

| Số TT | Tên điểm trường | Địa chỉ | Diện tích | Khoảng cách với trường | Tổng số trẻ của điểm | Tổng số lớp | Tên cán bộ phụ trách điểm |
|-------|-----------------|---------|-----------|------------------------|----------------------|-------------|---------------------------|
|-------|-----------------|---------|-----------|------------------------|----------------------|-------------|---------------------------|

|    |                                    |                                                                   |     |      |        |    |          |
|----|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----|------|--------|----|----------|
|    |                                    |                                                                   |     | (km) | trường |    | trường   |
| 01 | Trường MN<br>Bình Chiểu<br>Cơ sở 2 | 908, Tỉnh Lộ<br>43, KP1,<br>phường Bình<br>Chiểu, quận<br>Thủ Đức | 234 | 4    | 50     | 02 | Võ Như Ý |

## 2. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

| Số nhóm, lớp                           | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Năm học<br>2022-2023 | Năm học<br>2023-2024 | Năm học<br>2024-2025 |
|----------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Nhóm trẻ từ 3<br>đến 12 tháng<br>tuổi  | 00                   | 01                   | 01                   | 01                   | 01                   |
| Nhóm trẻ từ<br>13 đến 24<br>tháng tuổi | 01                   | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   |
| Nhóm trẻ từ<br>25 đến 36<br>tháng tuổi | 01                   | 01                   | 01                   | 01                   | 01                   |
| Số lớp mẫu<br>giáo 3-4 tuổi            | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   |
| Số lớp mẫu<br>giáo 4-5 tuổi            | 03                   | 03                   | 03                   | 03                   | 03                   |
| Số lớp mẫu<br>giáo 5-6 tuổi            | 03                   | 03                   | 03                   | 03                   | 03                   |
| <b>Cộng</b>                            | <b>10</b>            | <b>12</b>            | <b>12</b>            | <b>12</b>            | <b>12</b>            |

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT         | Số liệu                                 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Năm học<br>2022-2023 | Năm học<br>2023-2024 | Năm học<br>2024-2025 |
|------------|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <b>I</b>   | Khối phòng<br>nhóm trẻ, lớp<br>mẫu giáo | 12                   | 12                   | 12                   | 12                   | 12                   |
| 1          | Phòng kiên<br>cố                        | 12                   | 12                   | 12                   | 12                   | 12                   |
| 2          | Phòng bán<br>kiên cố                    | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| 3          | Phòng tạm                               | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| <b>II</b>  | Khối phòng<br>phục vụ học<br>tập        | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   |
| 1          | Phòng kiên<br>cố                        | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   |
| 2          | Phòng bán<br>kiên cố                    | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| 3          | Phòng tạm                               | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| <b>III</b> | Khối phòng<br>hành chính<br>quản trị    | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   |

|    |                                                   |           |           |           |           |           |
|----|---------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1  | Phòng kiên cố                                     | 02        | 02        | 02        | 02        | 02        |
| 2  | Phòng bán kiên cố                                 | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |
| 3  | Phòng tạm                                         | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |
| IV | Khối phòng tổ chức ăn                             | 02        | 02        | 02        | 02        | 02        |
| V  | Các công trình khối phòng chức năng khác (nếu có) | 02        | 02        | 02        | 02        | 02        |
|    | <b>Cộng</b>                                       | <b>20</b> | <b>20</b> | <b>20</b> | <b>20</b> | <b>20</b> |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 09 năm 2024

|                 | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo |           |            | Ghi chú |
|-----------------|---------|----|---------|------------------|-----------|------------|---------|
|                 |         |    |         | Chưa đạt chuẩn   | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |         |
| Hiệu trưởng     | 01      | 01 | Kinh    | 0                | 0         | 01         |         |
| Phó hiệu trưởng | 02      | 02 | Kinh    | 0                | 0         | 02         |         |

|             |    |    |      |    |    |    |  |
|-------------|----|----|------|----|----|----|--|
| Giáo viên   | 23 | 23 | Kinh | 01 | 04 | 18 |  |
| Nhân viên   | 10 | 7  | Kinh | 0  | 10 | 0  |  |
| <b>Cộng</b> | 36 | 33 | Kinh | 01 | 14 | 21 |  |

b) Số liệu của 05 năm gần đây:

| TT | Số liệu                                                                | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Năm học<br>2022-2023 | Năm học<br>2023-2024 | Năm học<br>2024-2025 |
|----|------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1  | Tổng số giáo viên                                                      | 24                   | 24                   | 24                   | 23                   | 23                   |
| 2  | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)                             | 81/4<br>= 20         | 68/6<br>= 11         | 68/8<br>= 08         | 83/8<br>= 10         | 72/8<br>= 09         |
| 3  | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)    | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| 4  | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)        | 358/21<br>= 17.04    | 376/21<br>= 17.9     | 394/17<br>= 23.17    | 356/18<br>= 19.77    | 310/17<br>= 18.23    |
| 5  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 00                   | 00                   | 02                   | 00                   | 02                   |
| 6  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |

#### 4. Trẻ em

| TT | Số liệu                             | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Năm học<br>2022-2023 | Năm học<br>2023-2024 | Năm học<br>2024-2025 |
|----|-------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1  | Tổng số trẻ em                      | 439                  | 444                  | 462                  | 235                  | 234                  |
|    | - Nữ                                | 230                  | 220                  | 250                  | 233                  | 192                  |
|    | - Dân tộc thiểu số                  | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| 2  | Đối tượng chính sách                | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| 3  | Khuyết tật                          | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| 4  | Tuyển mới                           | 140                  | 170                  | 141                  | 149                  | 121                  |
| 5  | Học 2 buổi/ngày                     | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| 6  | Bán trú                             | 439                  | 444                  | 462                  | 439                  | 382                  |
| 7  | Tỉ lệ trẻ em/lớp                    | 439/11<br>=40        | 444/13<br>=34        | 462/13<br>=35        | 439/13<br>=33        | 382/13<br>=29        |
| 8  | Tỉ lệ trẻ em/nhóm                   | 81/2=40              | 68/3=22              | 68/4=17              | 83/4=20              | 72/4=18              |
| 9  | - Trẻ em từ 03 đến<br>12 tháng tuổi | 00                   | 00                   | 04                   | 08                   | 07                   |

|  |                                  |     |     |     |     |     |
|--|----------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|
|  | - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 35  | 26  | 33  | 37  | 34  |
|  | - Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 46  | 42  | 31  | 38  | 31  |
|  | - Trẻ em từ 3-4 tuổi             | 91  | 118 | 81  | 63  | 73  |
|  | - Trẻ em từ 4-5 tuổi             | 92  | 135 | 141 | 115 | 104 |
|  | - Trẻ em từ 5-6 tuổi             | 175 | 123 | 172 | 178 | 133 |

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường mầm non Bình Chiểu có 2 cơ sở, cơ sở 1 tọa lạc tại số 07 đường 04 khu phố 04 phường Bình Chiểu quận Thủ Đức. Cơ sở 02 tọa lạc tại số 908, Tỉnh lộ 43, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức nên. Trường được thành lập năm 2001 với tổng diện tích là 2714m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng học là 768m<sup>2</sup>, diện tích sân chơi là 300m<sup>2</sup>, gồm 13 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đủ đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu.

Trường nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương, đặc biệt là sự chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức cùng với sự chăm lo của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có phẩm chất, đạo đức tác phong, tư tưởng chính trị vững vàng, có tinh thần đoàn kết, trách nhiệm trong công tác. Đội ngũ giáo viên có tinh thần học hỏi nâng cao trình độ, 100% giáo viên sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chuyên môn và trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, tạo môi trường học tập vui chơi cho trẻ, giáo dục kỹ năng sống, hình thành nhân cách, phát triển năng khiếu cho trẻ thông qua các trò chơi dân gian, các hoạt động lễ hội.

Trong những năm qua trường không ngừng phấn đấu để nâng cao chất lượng giảng dạy và chăm sóc trẻ nhằm tiếp tục giữ vững danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

##### **2. Mục đích tự đánh giá**

Mục đích của việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất

lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện pháp cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1 Ngày 23 tháng 10 năm 2023: Thành lập hội đồng tự đánh giá.

Hội đồng trường cùng thảo luận về mục đích, phạm vi và xác định các thành viên của hội đồng kiểm định chất lượng nhà trường. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá của trường.

3.2 Ngày 28 tháng 10 năm 2023: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng tự đánh giá.

3.3 Ngày 03 tháng 11 năm 2023: Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

Thảo luận về những vấn đề phát sinh và xác định những thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của từng tiêu chí để lấy ý kiến góp ý. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

3.4 Ngày 10 tháng 11 năm 2023: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung liên quan. Hội đồng tự đánh giá đề thông qua báo cáo tự đánh giá đã điều chỉnh, công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

3.5. Ngày 15 tháng 11 năm 2023: Viết báo cáo tự đánh giá.

Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá. Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý. Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

3.6. Ngày 24 tháng 11 năm 2023: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường và gửi báo cáo tự đánh giá.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

#### **Mở đầu:**

Trường Mầm non Bình Chiểu hiện nay có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo Điều lệ trường mầm non. Có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, có các Hội đồng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Có các tổ chức chính trị xã hội: Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nhà trường thực hiện công tác quản lý chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện tốt việc quản lý tài chính, tài sản.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trường chú trọng tổ chức các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi cho trẻ phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương.

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

#### ***Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.***

##### ***Mức 1:***

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin của nhà trường, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo;*

##### ***Mức 2:***

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

### *Mức 3:*

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng;*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2019 – 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức, nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016 – 2021, số 16/KH-MNBC, ngày 20 tháng 09 năm 2016 của Trường Mầm non Bình Chiểu. Đồng thời, trong từng năm học có xây dựng và ban hành kế hoạch năm học [H1-1.1-01]. Các kế hoạch đều xác định mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với mục tiêu của giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục (Điều 22, Văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH, ngày 31/12/2015); phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn như: Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trẻ 05 tuổi, đội ngũ cán bộ, giáo viên thực hiện tốt công nghệ thông tin và tổ chức hoạt động trong nhà trường, tích cực, hiệu quả và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như phát huy vai trò lãnh đạo, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên và phụ huynh về công tác xã hội hóa giáo dục; có định hướng, có kế hoạch cụ thể và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực huy động được [H1-1.1-01].

b) Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2022 - 2027 số 16/KH-MNBC ngày 20 tháng 01 năm 2022. Hằng năm, nhà trường căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức xây dựng và ban hành kế hoạch năm học đều xác định mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với mục tiêu của giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội theo từng giai đoạn như: Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi, đội ngũ cán bộ, giáo viên thực hiện tốt công nghệ thông tin, tổ chức các hoạt động hiệu quả và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bản tin của nhà trường, qua các buổi họp liên tịch, Hội đồng sư phạm [H1-1.1-02] và đăng tải rộng rãi trên trang thông tin điện tử nội bộ của nhà trường và cổng thông tin của Phòng Giáo dục quận Thủ Đức [H1-1.1-03].

## **Mức 2**

Các thành viên trong Hội đồng trường giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong từng năm học; thông qua các buổi họp báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện từ đó rút ra bài học kinh nghiệm [H1-1.1-04].

## **Mức 3**

Trường có tổ chức thực hiện việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo định kỳ phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]. Nhưng so với điều kiện thì kế hoạch phương hướng chiến lược của nhà trường chưa có sự tham gia của chính quyền địa phương.

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng có xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2022 – 2027. Các kế hoạch năm học xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, tình hình thực tế của nhà trường và địa phương được Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức phê duyệt. Hằng năm, hiệu trưởng công khai đến đội ngũ Cán bộ quản lý - giáo viên - nhân viên và cộng đồng thông qua các buổi họp trong nhà trường, trên cổng thông tin nội bộ và cổng thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức.

## **3. Điểm yếu**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường khi xây dựng chưa có sự tham gia của chính quyền địa phương. Hiệu trưởng xây dựng Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa nêu được thực trạng và các giải pháp, lộ trình thực hiện chưa cụ thể.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2022, Hiệu trưởng xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2022 – 2027 cụ thể và có lộ trình thực hiện hằng năm, tăng cường công tác phối hợp với chính quyền địa phương trong việc đóng góp ý kiến chỉ đạo, hỗ trợ nhà trường về các mặt để thực hiện hiệu quả công tác phát triển nhà trường và đảm bảo thực hiện đạt chất lượng Chương trình giáo dục mầm non.

**5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

*Mức 1:*

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá;*

*Mức 2:*

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường;*

**1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1**

a) Hội đồng trường Mầm non Bình Chiểu được thành lập theo Quyết định số 712/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức gồm 09 thành viên; có các Hội đồng do Hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học như: Hội đồng thi đua khen thưởng; ngoài ra, tùy từng thời điểm nhằm đáp ứng các yêu cầu về thực hiện công tác chuyên môn và quản lý nhà trường, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng khoa học; Ban chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, nhằm đáp ứng yêu cầu cơ cấu tổ chức, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ sinh hoạt đúng theo quy định tại Văn bản 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-01].

b) Hội đồng trường và các hội đồng thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 18,19 Điều lệ trường mầm non như: công tác huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực của nhà trường, phong trào thi đua,

chất lượng chuyên môn. Hội đồng trường họp thường kỳ 02 lần trong năm kết hợp với buổi đánh giá thi đua mỗi học kỳ để rà soát, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ theo quy định. Nhằm giúp Hiệu trưởng đánh giá, tổ chức tốt phong trào thi đua; chăm giáo viên giỏi; xét và công nhận sáng kiến kinh nghiệm; đề nghị đánh giá khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

c) Thông qua các buổi họp định kỳ hằng tháng, hằng quý và đột xuất theo triệu tập của hiệu trưởng trong năm học, hoạt động của các hội đồng được rà soát để bổ sung nhân sự kịp thời, thực hiện đầy đủ các báo cáo và có đánh giá về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các hội đồng [H1-1.2-01].

## Mức 2

Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác thực hiện có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như: Luôn giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường; thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường không để xảy ra trường hợp đội ngũ giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh thắc mắc, kiện thưa tố cáo nhà trường vi phạm quy chế dân chủ [H1-1.2-01]; tổ chức tốt phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực thực hiện tốt các phong trào trong đội ngũ, hỗ trợ nhà trường xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi, xét sáng kiến đúng thời gian quy định [H1-1.2-02]. Tuy vậy, hội đồng thi đua luôn có sự thay đổi về phân công công tác kiêm nhiệm mỗi năm, nên việc phối hợp, kiểm tra, giám sát còn gặp nhiều khó khăn.

## 2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các hội đồng đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá, hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

## 3. Điểm yếu

Các thành viên trong hội đồng luôn có sự thay đổi, nên công tác phối hợp kiểm tra, rà soát định kỳ còn gặp nhiều khó khăn.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 9 năm 2024, Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện bồi dưỡng giáo viên có năng lực, chuyên môn tốt để đưa vào trong các hội đồng giúp phát huy tính chủ động, có ý kiến đóng góp xây dựng các hoạt động của nhà trường. Các thành viên thường xuyên tham dự các buổi họp định kỳ, do hội đồng trường và các hội đồng khác đề ra để nắm bắt, góp ý, nhận định tình hình hoạt động của đơn vị, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### ***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

#### *Mức 1:*

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Hoạt động theo quy định;*
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá;*

#### *Mức 2:*

- a) Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường;*

#### *Mức 3:*

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng;*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Công đoàn Trường Mầm non Bình Chiểu có 39 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động quận Thủ Đức, qua kỳ đại hội công đoàn cơ sở bầu ra Ban Chấp hành Công đoàn gồm 03 thành viên và đã được Liên đoàn lao động quận Thủ Đức ra Quyết định công nhận số **71/QĐ-LDLĐ, ngày 25 tháng 09 năm 2022** nhiệm kỳ 2022 – 2025 về việc công nhận Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Trường Mầm non Bình Chiểu, nhiệm kỳ 2022 – 2025 hoạt động theo kế hoạch của Ban chấp hành Công đoàn được bầu ra từ Đại hội Công đoàn 2017 [H1-1.3-01]. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo nhiệm kỳ hằng năm, gồm có 03 đoàn viên [H1-1.3-02] có Chi Hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-03] và Hội Khuyến học [H1-1.3-04].

b) Công đoàn trường hoạt động đúng chức năng "Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động", thực hiện tốt vai trò tham mưu và phối hợp chính quyền tổ chức những hoạt động nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Trong các phong trào thi đua, khuyến khích động viên cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên gắn bó, đoàn kết, tích cực tham gia: Phụ nữ hai giỏi, gia đình nhà giáo văn hóa, đăng ký danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua trong năm học [H1-1.3-01]. Đoàn viên thanh niên nhà trường tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt đoàn của Chi đoàn [H1-1.3-02]. Hằng năm, các hoạt động của các đoàn thể trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác, từ đó rút kinh nghiệm, đề xuất ý kiến đóng góp xây dựng nội dung thực hiện tiếp theo đạt kết quả cao hơn. Qua đó có kiến nghị, đề xuất và phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và chính quyền giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác tại đơn vị theo quy trình dân chủ, công khai, đúng nguyên tắc [H1-1.3-01]; [H1-1.3-03].

## **Mức 2**

a) Từ năm 2020 đến năm 2024 Chi bộ Trường Mầm non Bình Chiểu lãnh đạo các hoạt động của nhà trường nề nếp, hiệu quả, 04 năm chi bộ đạt danh hiệu “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Chi bộ hiện có 11 đảng viên (Bí thư Chi bộ là Hiệu trưởng, Phó bí thư là Phó Hiệu trưởng, 03 đảng viên là cán bộ quản lý, 08 đảng viên là giáo viên), chi bộ có Cấp ủy sinh hoạt theo quy chế. [H1-1.3-05].

b) Công đoàn, Chi đoàn và các tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Hằng năm, Công đoàn và Đoàn Thanh niên đều có giới thiệu

những đoàn viên ưu tú cho tổ chức Đảng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]. Hội Khuyến học thành lập quỹ để phát thưởng cho con Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có thành tích học tập cao vào cuối năm học [H1-1.3-04]. Chi Hội Chữ thập đỏ nhà trường chăm lo cho học sinh, giáo viên, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn vui tết [H1-1.3-03].

### **Mức 3**

a) Từ năm 2020 đến năm 2024 Chi bộ Trường Mầm non Bình Chiểu lãnh đạo các hoạt động của nhà trường nề nếp, hiệu quả, 04 từ năm liên Chi bộ đạt danh hiệu “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-05].

b) Các đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên và các hội viên tích cực tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, công tác xã hội, phong trào học tập tại địa phương. Qua đó, giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ và mục tiêu năm học được giao của ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức và lãnh đạo địa phương [H1-1.3-06].

### **2. Điểm mạnh**

Trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ và theo quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Các đoàn thể, tổ chức khác có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Trong 04 năm liên tiếp, Chi bộ luôn được Đảng ủy phường Bình Chiểu công nhận Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### **3. Điểm yếu**

Các đoàn thể, Hội Khuyến học chưa tranh thủ sự ủng hộ về vật chất từ các tổ chức bên ngoài nhà trường để phát triển trong đơn vị.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trường tiếp tục duy trì cơ cấu bộ máy tổ chức và phát huy hiệu quả hoạt động của Chi bộ, các tổ chức đoàn thể và các Chi hội nhà trường nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.

Năm học 2024 – 2025 cấp ủy chi bộ tiếp tục tăng cường công tác xây dựng Đảng, bồi dưỡng quần chúng ưu tú cho Đảng, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức đoàn thể và chi hội hoạt động nhằm giữ vững và đạt kết quả cao hơn. Chỉ đạo các

đoàn thể khen thưởng kịp thời các cá nhân tích cực tham gia phong trào và động viên các đoàn thể tham gia các hoạt động của cộng đồng.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

#### ***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

##### ***Mức 1:***

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo qui định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo qui định;*

##### ***Mức 2:***

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện ít nhất 1 chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá điều chỉnh;*

##### ***Mức 3:***

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn hoạt động hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Trường Mầm non Bình Chiểu được Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức công nhận trường hạng I, với cơ cấu có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng: Tại thời điểm đánh giá Hiệu trưởng là bà Võ Như Ý được điều động, bổ nhiệm theo Quyết định số 3620/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 6 năm 2020; 02 Phó Hiệu trưởng Bà Phan Huỳnh Đoan Trang được bổ nhiệm theo Quyết định số 6045/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 10 năm 2019, Bà Dương Thị Hiền Trang được bổ nhiệm theo Quyết định số 4508/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 7 năm 2020.

b) Trường Mầm non Bình Chiểu có 05 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng do hiệu trưởng ra quyết định thành lập, tổ chuyên môn gồm có tổ giáo viên và tổ cấp dưỡng.

Tổ giáo viên khối nhà trẻ 06-36 tháng (có 09 giáo viên), khối 3-4 tuổi (có 04 giáo viên), khối 4-5 tuổi (có 06 giáo viên), khối 5-6 tuổi (có 08 giáo viên) và tổ cấp dưỡng gồm có 05 thành viên. Tổ văn phòng gồm có 07 thành viên gồm 03 cán bộ quản lý 01 nhân viên kế toán; 01 Nhân viên phục vụ; 02 nhân viên bảo vệ. Trong mỗi tổ đều có phân công một thành viên làm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-01].

c) Hằng năm, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đến các thành viên của tổ [H1-1.4-02]; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên thông qua hoạt động thăm lớp, dự giờ đồng nghiệp [H1-1.6-02]; thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục của giáo viên qua hoạt động tổ chức thực hiện các chuyên đề do trường và cụm tổ chức [H1-1.4-09]. Tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động tháng, năm nhằm hỗ trợ cho công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; thực hiện các nhiệm vụ giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường khoa học, an toàn và đúng quy định pháp luật [H1-1.4-02]. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt định kỳ 02 tuần/01 lần để triển khai nhiệm vụ chuyên môn, tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá chất lượng hiệu quả công việc, xếp loại nhân viên đồng thời đề xuất khen thưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt công việc được phân công [H1-1.2-02].

## **Mức 2**

a) Để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; hằng năm, các tổ chuyên môn đều có đề xuất thực hiện từ một đến hai chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-02]. Ngoài ra, các tổ chuyên môn giáo viên còn phối hợp cùng nhà trường trong việc thực hiện các chuyên đề như: Chuyên đề “Đổi mới tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ trong trường mầm non”; “Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; chuyên đề trong cụm “Đổi mới tổ chức bữa ăn cho trẻ trong trường mầm non”. Chuyên đề cấp “Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong trường mầm non” [H1-1.4-09]. Tổ cấp dưỡng hằng năm thực hiện các chuyên đề nâng chất lượng tổ

chức bữa ăn cho trẻ trong trường mầm non, dinh dưỡng và phát triển, thực hành thao tác chế biến của cấp dưỡng, kiểm tra an toàn thực phẩm [H1-1.4-09].

b) Trong các buổi họp hằng tháng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể trong kế hoạch hoạt động từng tháng của trường để rà soát và bổ sung kế hoạch tháng thực hiện tại tổ phù hợp với thực tế công tác nhà trường trong tháng; qua các buổi họp tổ luôn trao đổi, rút kinh nghiệm, rà soát đánh giá, điều chỉnh kịp thời để các thành viên trong tổ nắm vững phương pháp thực hiện nhằm đem lại hiệu quả trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.1-02].

### **Mức 3**

a) Các hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường được cán bộ quản lý, Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá cao về chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên nội dung và hình thức sinh hoạt của tổ chuyên môn chưa phong phú, đa dạng [H1-1.4-02]; [H1-1.4-04].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn của tổ và của nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.4-09]. Ngoài ra, tổ chuyên môn giáo viên còn đề xuất và thực hiện hiệu quả các hoạt động lễ hội cho trẻ như: Trung thu lễ Noel, tết Nguyên đán... [H1-1.4-12].

### **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ Hiệu trưởng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức, sinh hoạt định kỳ, trao đổi rút kinh nghiệm, rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của tổ theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động, thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định. Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ công chức hằng năm theo quy định.

### **3. Điểm yếu**

Nội dung sinh hoạt tổ cấp dưỡng và tổ văn phòng chưa phong phú.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2024, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng, các khối trưởng chuyên môn tiếp tục phát huy hiệu quả, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên

môn; tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, đổi mới đa dạng, phong phú hình thức sinh hoạt các chuyên đề nhằm chia sẻ sáng kiến kinh nghiệm trong hoạt động. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chăm sóc, nuôi dưỡng định hướng các nội dung sinh hoạt của tổ chuyên môn cấp dưỡng, tổ văn phòng phong phú, thiết thực với nội dung công việc, ngoài ra, tạo điều kiện khuyến khích cho các thành viên trong tổ mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các buổi họp. Hiệu trưởng tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức bổ nhiệm 01 phó hiệu trưởng

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo***

#### ***Mức 1:***

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật;*

#### ***Mức 2:***

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi;*

#### ***Mức 3:***

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo;*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Năm học 2023 - 2024, Trường Mầm non Bình Chiểu có đủ nhóm trẻ, số lớp được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, gồm có 12 nhóm lớp, 04 nhóm trẻ (trong đó: 01 nhóm 6-18 tháng tuổi, 01 nhóm 13-18 tháng tuổi, 01 nhóm 19-24 tháng tuổi và 01 nhóm 25-36 tháng tuổi), 08 lớp mẫu giáo (trong đó: 02 lớp 3-4 tuổi, 03 lớp 4-5 tuổi và 03 lớp 5-6 tuổi) [H1-1.5-01].

b) Nhà trường tổ chức cho trẻ học 02 buổi trên ngày, số trẻ học bán trú trong các năm học qua luôn đạt tỷ lệ 100% [H1-1.5-01].

c) Trong 05 năm học vừa qua trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

## **Mức 2**

Tính đến thời điểm tự đánh giá, toàn trường có tổng số 235 trẻ, số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi, cụ thể:

| Lứa tuổi                  | Học sinh theo quy định | Số học sinh/lớp thực tế |
|---------------------------|------------------------|-------------------------|
| Nhóm trẻ 6 - 12 tháng     | 15 trẻ/lớp             | 05 trẻ/01 nhóm          |
| Nhóm trẻ từ 13 - 24 tháng | 20 trẻ/lớp             | 8 trẻ/02 nhóm           |
| Nhóm trẻ từ 25 - 36 tháng | 25 trẻ/lớp.            | 10 trẻ/01 lớp           |
| Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi   | 25 trẻ/lớp             | 27 trẻ/02 lớp           |
| Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi   | 30 trẻ/lớp             | 78 trẻ/03 lớp           |
| Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi   | 35 trẻ/lớp             | 107 trẻ/ 03 lớp         |

## **Mức 3**

Nhà trường có 12 nhóm lớp trong đó: 04 nhóm trẻ và 08 lớp mẫu giáo không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định [H1-1.5-01].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ các nhóm lớp, trẻ được phân chia theo đúng độ tuổi. 100% các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học bán trú. Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Nhà trường có 05 nhóm nhà trẻ và 08 lớp mẫu giáo; đảm bảo không vượt quá 20 nhóm, lớp theo quy định.

## **3. Điểm yếu**

Số lượng trẻ ở nhóm trẻ và lớp mẫu giáo 3-4 tuổi vượt quá ít so với quy định tại Điều lệ trường mầm non.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2024 nhà trường tiếp tục duy trì việc phân chia trẻ đúng theo độ tuổi, 100% trẻ được tổ chức học bán trú. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 – 2025 theo sĩ số quy định

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

#### ***Mức 1:***

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục;*

#### ***Mức 2:***

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác, quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong năm năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán;*

#### ***Mức 3:***

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương;*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ khoa học theo Thông tư 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ về Quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức [H1-1.6-01]. Hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.4-10], tài sản [H1-1.4-04] được lưu trữ nguồn thu theo năm tài chính do nhân viên phụ trách kế toán quản lý. Hồ sơ nhân sự được quản lý theo Quyết định 06/2007/QĐ-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ được sắp xếp vào từng bìa hồ sơ riêng của mỗi cá nhân tại phòng hành chính [H1-1.4-01]; Hồ sơ y tế được lưu trữ tại phòng y tế. Hồ sơ bồi dưỡng chuyên môn [H1-1.6-03], hồ sơ kiểm tra chuyên đề [H1-1.4-09], hồ sơ kiểm

tra hoạt động sư phạm nhà giáo [H1-1.4-11] được sắp xếp theo thứ tự các đợt kiểm tra để trong các bìa hồ sơ lưu trữ tại phòng Phó Hiệu trưởng. Trường chưa bố trí phòng lưu trữ khoa học theo quy định Luật Lưu trữ

b) Hằng năm, Hiệu trưởng lập dự toán kinh phí được giao từ ngân sách nhà nước và các khoản thu sự nghiệp được Phòng Tài chính-Kế hoạch phê duyệt [H1-1.4-10]. Các nhóm, lớp và các bộ phận có sổ quản lý tài sản và thực hiện kiểm kê vào đầu, giữa và cuối năm học. Kế toán tổng hợp kiểm kê tài sản trong toàn trường, báo cáo về Phòng Tài chính-Kế hoạch [H1-1.4-04]. Hiệu trưởng đã thực hiện kiểm tra bộ phận kế toán định kỳ theo kế hoạch kiểm tra nội bộ và đột xuất [H1-1.4-11], xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để chủ động trong quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, công khai, công bằng, minh bạch, hiệu quả [H1-1.6-05]; tổ chức lấy ý kiến đóng góp và thống nhất trong Hội nghị cán bộ công chức để tăng cường quyền giám sát của các cá nhân, tổ chức trong đơn vị đối với công tác quản lý tài chính và đảm bảo tiết kiệm [H1-1.6-06].

c) Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm kê đúng thời gian quy định [H1-1.4-04]; [H1-1.4-10]. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch tăng cường quản lý mua sắm tài sản, bảo quản cơ sở vật chất, trang bị, bổ sung các đồ dùng đồ chơi theo danh mục Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.4-04].

## **Mức 2**

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: Kế toán hành chính sự nghiệp IMAS, quản lý tài sản nhà nước, hệ thống thông tin quản lý nhân sự PMIS, hóa đơn tự in FOS, Hệ thống thông tin quản lý giáo dục mầm non - PMS - Phần mềm quản lý dinh dưỡng [H1-1.6-07].

b) Trong 05 năm qua, nhà trường luôn được Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Thủ Đức kiểm tra về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản, kết quả kiểm tra nhà trường không có dấu hiệu vi phạm trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.4-04]; [H1-1.4-10].

### **Mức 3**

Trường Mầm non Bình Chiểu là đơn vị sự nghiệp công lập có kế hoạch ngắn hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương. Kế hoạch luôn phản ánh đầy đủ các chi tiết của các nguồn thu, mức thu phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, chế độ tài chính theo quy định. Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp và phù hợp [H1-1.4-10].

## **2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý nhà trường thực hiện tốt quản lý tài chính, đất đai, cơ sở vật chất theo quy định, thực hiện thu chi rõ ràng, công khai minh bạch. Nhà trường được cấp trên kiểm tra về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản kết quả đạt tốt không có dấu hiệu vi phạm trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản

## **3. Điểm yếu**

Trường không có phòng lưu trữ khoa học theo quy định Luật Lưu trữ và chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát hằng tháng, hằng quý và cuối năm học để hệ thống hồ sơ được lưu trữ đúng theo quy định mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, đơn đốc kế toán lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản... Để không xảy ra vi phạm trong công tác. Hiệu trưởng tổ chức cho Hội đồng trường và các Hội đồng khác thảo luận, xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

#### ***Mức 1:***

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định;

*Mức 2:*

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường;

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Hằng năm, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trẻ [H1-1.6-02]. Trong năm học, hiệu trưởng phân công cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo, cán bộ quản lý tổ chức các buổi tập huấn cho giáo viên theo kế hoạch của trường về thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; triển khai tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ để nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục [H1-1.4-03].

b) Đầu năm học Hiệu trưởng ra Quyết định số 18/QĐ-MNBC, ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc phân công cụ thể cho từng bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên phù hợp với khả năng và sở trường của từng bộ phận chuyên môn, từ đó thúc đẩy các bộ phận thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao, đảm bảo tốt các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-01].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường mầm non ban hành theo Quyết định số 14/2008/QĐ - BGDDT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [H1-1.6-05]: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.6-02], được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật khi được cử đi học

để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.7-01].

Hằng năm, nhà trường đều thực hiện tốt công tác khen thưởng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên đạt lao động tiên tiến [H1-1.2-02], chăm lo vào các dịp lễ, tết và tổ chức tham quan hè đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ đề ra [H1-1.6-05].

## **Mức 2**

Hiệu trưởng phân công nhân sự phù hợp kiến thức, kinh nghiệm, thâm niên, trình độ chuyên môn, chú ý phối hợp trong nhóm hoạt động tốt để phát huy được năng lực của mỗi người [H1-1.4-01]; xây dựng kế hoạch nhiệm vụ của nhà trường căn cứ vào Kế hoạch nhiệm vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo [H1-1.1-01], phối hợp hoạt động các đoàn thể, tổ chức các lễ hội, hội thi; động viên cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động học thêm các lớp tin học cơ bản, tin học nâng cao, nâng trình độ chuyên môn cao đẳng lên đại học, nâng trình độ chính trị từ sơ cấp lên trung cấp, giáo viên tham gia các lớp học thăng hạng chức danh nghề nghiệp để nâng chuẩn, nhân viên văn thư học lớp trung cấp hành chính, Cán bộ quản lý và nhân viên kế toán học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nâng cao năng lực quản lý tài chính, cải cách hành chính [H1-1.6-02]. Hằng tháng, nhà trường thực hiện đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, qua đó điều chỉnh những hạn chế và phát huy ưu điểm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.2-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có biện pháp để phát huy hết khả năng tính độc lập đối với giáo viên mới ra trường.

## **2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hiệu trưởng có phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý, đúng người, đúng việc, phù hợp với năng lực chuyên môn, sở trường công tác mang lại hiệu quả cho hoạt

động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đảm bảo đầy đủ các quyền lợi theo quy định và Điều lệ trường mầm non.

### **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có biện pháp để phát huy hết khả năng cũng như tính chủ động đối với giáo viên mới ra trường và nhân viên.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia lớp học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng văn phòng xây dựng đề ra các biện pháp phát huy tính tự giác, tính sáng tạo, tính tích cực học tập của đội ngũ giáo viên mới ra trường. Tổ chức các phong trào, các hội thi, các hoạt động tập thể, xây dựng các trò chơi... để tập tính mạnh dạn, tự tin, độc lập phát huy tố chất năng lực của giáo viên trẻ mới ra trường. Có kế hoạch phân công nhân viên phụ trách công tác văn thư cho hợp lý.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

#### ***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

##### ***Mức 1:***

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời;*

##### ***Mức 2:***

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả;*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Hằng năm, nhà trường đều căn cứ trên văn bản triển khai nhiệm vụ năm học của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức để xây dựng kế hoạch năm học

theo đúng chỉ đạo và phù hợp với điều kiện thực tế của trường. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp tình hình đơn vị, theo đúng chỉ đạo và quy định Điều lệ trường mầm non [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động của trường theo năm, tháng, tuần [H1-1.1-01]. Từ đó phó hiệu trưởng đề ra những biện pháp chỉ đạo thực hiện các mặt công tác về chuyên môn và quản lý trong kế hoạch năm học. Trên cơ sở đó, giáo viên xây dựng đầy đủ các kế hoạch giáo dục cho từng nhóm, lớp theo chức năng và nhiệm vụ được phân công. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, đôi lúc giáo viên còn chưa linh hoạt thay đổi nội dung chương trình phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi ngày [H1-1.4-02].

c) Kế hoạch giáo dục của giáo viên được phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo tuần, tháng, cuối học kỳ và cuối năm học; hằng tuần, giáo viên nộp kế hoạch giáo dục lớp cho tổ trưởng chuyên môn, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục kiểm tra đánh giá trên mạng nội bộ nhà trường nhằm giúp giáo viên có sự điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp tình hình thực tế tại lớp. Cuối học kỳ II, nhà trường tiến hành đánh giá nhận xét mục tiêu của các lĩnh vực để điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với thực tế giúp trẻ hoàn chỉnh kỹ năng cuối độ tuổi [H1-1.4-06]

## **Mức 2**

Hiệu trưởng thực hiện các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá hằng tháng đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.4-11]

## **2. Điểm mạnh**

Trường có kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

## **3. Điểm yếu**

Một số giáo viên mới lập kế hoạch giáo dục chưa linh hoạt với tình hình thực tế. Hồ sơ quản lý chuyên môn chưa đầy đủ.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao hơn và chỉ đạo phó hiệu trưởng sâu sát, giúp đỡ những giáo viên còn lúng túng, gặp khó khăn khi xây dựng và thực hiện kế hoạch chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ. Cập nhật hồ sơ quản lý chuyên môn chưa đầy đủ theo quy định.

#### **5.Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

##### ***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ***

##### ***Mức 1:***

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở;*

##### ***Mức 2:***

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường phải đảm bảo công khai minh bạch và hiệu quả;*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

##### **Mức 1**

a) Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng cho mọi hoạt động nhà trường như: Tổ chức bình bầu và xét chọn các danh hiệu thi đua đúng với quy định; xây dựng quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.6-05], kế hoạch năm học [H1-1.1-01], có phổ biến công khai đến Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thông qua các buổi họp Hội đồng sư phạm [H1-1.1-02], Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.6-06] để mọi người cùng tham gia đóng góp ý kiến trước khi tổ chức thực hiện và ban hành; theo quy định tại quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày

01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo.

b) Thông qua buổi họp tại các tổ hằng tháng, các kiến nghị, bức xúc và phản ánh của giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh về thực hiện nhiệm vụ được giao, về quyền lợi và các chế độ chính sách được hiệu trưởng và Ban chấp hành Công đoàn lắng nghe, tiếp thu và phối hợp cùng giải quyết đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và nội quy nhà trường. Vì vậy, trong những năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ nhà trường [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.6-06].

## **Mức 2:**

Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả tại các hội nghị, thông qua các buổi họp, niêm yết tại bảng tin của Công đoàn, bảng tin trường. Nhà trường thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát với cá nhân, tổ khối..., bằng các hình thức gián tiếp, trực tiếp qua đó giúp nhà trường đánh giá đúng tình hình triển khai, thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thấy được những mặt hạn chế, khó khăn và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm, những mô hình hay, cách làm tốt để nhân rộng đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường [H1-1.1-03]. Ban Thanh tra nhân dân của trường làm công tác kiêm nhiệm nên còn hạn chế về thời gian để chủ động nghiên cứu tài liệu và thực hiện kế hoạch giám sát theo đúng tiến độ

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Trong những năm học qua trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Ban Thanh tra nhân dân làm công tác kiêm nhiệm nên còn hạn chế về thời gian để chủ động nghiên cứu tài liệu và thực hiện kế hoạch giám sát theo đúng tiến độ. Hồ sơ công khai các hoạt động và dự toán chưa đầy đủ.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của trường, kịp thời nắm bắt và điều chỉnh phù hợp tâm tư nguyện vọng của đội ngũ. Hiệu trưởng và Ban chấp hành Công đoàn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Thanh tra nhân dân về thời gian cũng như tham gia các lớp học tập bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực công tác, phát huy tốt vai trò giám sát được giao. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Thực hiện hồ sơ công khai các hoạt động và dự toán đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

##### ***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

###### ***Mức 1:***

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường;

###### ***Mức 2:***

a) Cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên và trẻ được phổ biến hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn phòng chống thảm

*họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả;*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Hiệu trưởng có xây dựng kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự trong nhà trường, thực hiện phân công ca trực bảo vệ và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên [H1-1.10-01]. Đầu năm học, trường có phối hợp cùng công an phường Bình Chiểu xây dựng “Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự tại trường học” [H1-1.10-01]. Ngoài ra, trường có xây dựng các phương án khác như: Phương án phòng, chống tai nạn thương tích và có bồi dưỡng cho toàn trường về nội dung phòng tránh tai nạn thương tích trong trường mầm non, các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.4-07]; Kế hoạch đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh [H1-1.7-02]; Phương án phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-01], đồng thời nhà trường có liên hệ với cảnh sát phòng cháy chữa cháy phụ trách địa bàn trường đến tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy cho đội ngũ [H1-1.10-01]; [H1-1.4-07]. Để đảm bảo an toàn về vệ sinh thực phẩm, nhà trường đã thực hiện hợp đồng trách nhiệm đầy đủ, hợp lệ với các công ty cung cấp các mặt hàng thực phẩm phục vụ công tác nấu ăn cho học sinh và bếp ăn tập thể tại trường [H1-1.10-02]. Trường có tổ chức bếp ăn bán trú và được Ủy ban nhân dân quận cấp giấy Chứng nhận bếp ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định [H1-1.10-02].

b) Trường có hộp thư góp ý được đặt trước cổng trường để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.4-07]. Luôn phối hợp với bảo vệ, công an phường, các đoàn thể, phụ huynh đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường có sổ tiếp công dân để ghi nhận và xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cha mẹ học sinh, người dân [H1-1.9-01].

c) Công đoàn trường tham gia tập huấn về công tác bình đẳng giới và thực hiện tuyên truyền pháp luật về Luật Bình đẳng giới đến đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên qua buổi họp Hội đồng sư phạm và tuyên truyền trong ngày pháp luật của trường; nhà trường không có tình trạng phản ánh từ phụ huynh, lãnh đạo, người dân về tình trạng kỳ thị đối với giáo viên, trẻ có hoàn cảnh khó khăn... Không có hành vi bạo lực giữa giáo viên với trẻ, giữa trẻ với trẻ, không vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.3-01].

## **Mức 2**

a) Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn tập huấn thực hiện phương án bảo đảm an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống bạo lực học đường trong nhà trường và tuyên truyền đến cha mẹ học trẻ thông qua giờ đón, trả trẻ, họp cha mẹ học sinh; bảng tin trường, lớp hoặc qua các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, quy tắc 05 ngón tay để trẻ biết tự bảo vệ mình. Tuy nhiên Nhà trường chưa xây dựng phương án phòng chống thiên tai, rủi ro [H1-1.4-09]; [H1-1.7-02]; [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02].

b) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự, không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Trong năm học 2023 - 2024, tình hình an ninh trật tự của trường luôn bảo đảm, không có tệ nạn xã hội, mất trật tự, mất an ninh xảy ra [H1-1.10-01].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn

phòng, chống dịch bệnh. Thực hiện nghiêm túc lịch tiếp dân để phối hợp tốt với ban ngành địa phương, cha mẹ học sinh trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ và bếp ăn tập thể được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm. Trong các năm học qua, trường đảm bảo tốt công tác đảm bảo vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm, tai nạn thương tích cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong toàn trường.

### **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa xây dựng phương án phòng chống thiên tai, rủi ro.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh. Nhà trường duy trì tổ chức bếp ăn cho trẻ và bếp ăn tập thể đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và có kế hoạch đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường. Nhà trường chưa xây dựng phương án phòng chống thiên tai, rủi ro phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

Có xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, có kế hoạch hằng năm, thành lập các hội đồng theo quy định.

Cơ cấu tổ chức đầy đủ, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm.

100% trẻ học bán trú và phân chia theo lứa tuổi.

Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính tài sản, không có vi phạm tài chính theo kết luận cấp trên.

Trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng thường xuyên nâng cao trình độ trên chuẩn.

#### **Điểm yếu cơ bản**

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016 – 2020 chưa cụ thể.

Sinh hoạt tổ cấp dưỡng và văn phòng chưa thường xuyên.

Hồ sơ quản lý chuyên môn chưa đầy đủ.

Phân công nhân viên chưa hợp lý (Kế toán kiêm văn thư).

Hồ sơ công khai các hoạt động và dự toán chưa đầy đủ.

Thiếu phương án phòng chống thiên tai, rủi ro.

### **Kết quả:**

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

### **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

#### **Mở đầu:**

Cán bộ quản lý trong nhà trường có thời gian công tác trong ngành giáo dục lâu năm, có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn để triển khai thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên có tinh thần học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, chính trị, thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường được đánh giá xếp loại hằng năm.

#### ***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

##### ***Mức 1:***

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định;*

##### ***Mức 2:***

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 2 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm;*

### *Mức 3:*

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt;*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

a) Hiệu trưởng Võ Như Ý có thời gian công tác trong ngành 26 năm (16 năm trực tiếp giảng dạy và 10 năm làm công tác quản lý từ năm 1998 – 2024), tốt nghiệp Đại học Sư phạm mầm non, đã qua lớp đào tạo cán bộ quản lý trường mầm non và Trung cấp lý luận chính trị; Phó Hiệu trưởng Phan Huỳnh Đoan Trang phụ trách giáo dục có thời gian công tác là 15 năm (10 năm trực tiếp giảng dạy và 05 năm làm công tác quản lý từ năm 2009 - 2020), tốt nghiệp Đại học sư phạm mầm non đã qua lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý và Trung cấp lý luận chính trị đạt chuẩn theo quy định [H1-1.3-07]; [H1-1.4-01].

b) Cán bộ quản lý nhà trường có phẩm chất lối sống đạo đức tốt, có uy tín đối với tập thể nhà trường và cha mẹ học sinh. Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2022 – 2023 Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và tập thể nhà trường đánh giá đạt đánh giá đạt mức Khá; năm học 2023 – 2024 Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng tự đánh giá đạt mức Tốt [H1-1.3-07].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục đầy đủ theo quy định [H1-1.4-01].

### **Mức 2**

a) Tại thời điểm, Hiệu trưởng mới được bổ nhiệm, năm học 2019 -2020 tự đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt mức khá [H1-1.3-07].

b) Cán bộ quản lý tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị hè, các lớp bồi dưỡng về Nghị quyết chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, giúp cán bộ quản lý kịp thời ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện diễn biến tự chuyển hóa của bản thân và đội ngũ [H1-1.3-07]. Hằng năm, tập thể nhà trường thực hiện việc đánh giá viên chức; thực hiện bỏ phiếu tín nhiệm cán bộ quản lý đương chức được đội ngũ giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực trong quản lý [H1-1.3-06].

### **Mức 3**

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng mới được bổ nhiệm, năm học 2019 -2020 tự đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt mức khá [H1-1.3-07].

### **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng công tác liên tục trong ngành nhiều năm; đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm nhiệm và luôn nhận được sự tín nhiệm cao từ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

### **3. Điểm yếu**

Hiện tại Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng của trường chưa tham gia lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ từ B1 trở lên.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng chủ động duy trì việc học tập, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản lý, đăng ký tham gia học chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B1, ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý trường để triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao hơn.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

#### **Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

*Mức 1:*

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên;*

*Mức 2:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;*

#### **Mức 3:**

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Trường có 23 giáo viên giáo viên trong đó 04 giáo viên dạy nhóm nhà trẻ, 19 giáo viên dạy lớp mẫu giáo; trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, đáp ứng yêu cầu công tác chăm sóc nuôi, dạy trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và đảm bảo việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.4-01].

b) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên nhà trường: Đạt chuẩn 22/23 tỷ lệ 95.6%, trên chuẩn 17/23 đạt tỷ lệ 92.59%. 100% giáo viên có trình độ tin học và anh văn [H1-1.4-01].

c) Trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên, không có giáo viên xếp loại yếu kém [H1-1.3-08].

#### **Mức 2**

a) Từ năm học 2020 - 2021 đến thời điểm tự đánh giá có 92.59% giáo viên đạt

trình độ trên chuẩn được đào tạo trở lên. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H1-1.4-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên trong đó có 88.88% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức khá [H1-1.3-08].

c) Tập thể giáo viên nhà trường luôn cố gắng thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của ngành, của đơn vị và nhiệm vụ được giao, trong 05 năm qua tính đến thời điểm tự đánh giá, trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-06].

### **Mức 3**

a) Năm học 2020 - 2021, nhà trường có 17/23 giáo viên đạt tỷ lệ 73.9% trên chuẩn [H1-1.4-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 88.88% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, có 10% giáo viên đạt chuẩn mức ở tốt [H1-1.3-08].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ số lượng giáo viên và đáp ứng được các yêu cầu công việc, 100% đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. 92.6% đạt trình độ trên chuẩn. Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên 100% ở mức đạt trở lên trong đó có 88.88% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức khá.

## **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá đến tốt còn thấp theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 08 tháng 10 năm 2018.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nâng cao tay nghề cho giáo viên để đạt chuẩn nghề nghiệp đạt mức tốt theo quy định.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### **Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

#### **Mức 1:**

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao;

#### **Mức 2:**

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

#### **Mức 3 (nếu có):**

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm;

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Nhà trường có 10 nhân viên đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục, có 01 kế toán kiêm văn thư, 01 nhân viên Y tế, 02 bảo vệ, 06 nhân viên nấu ăn (trong đó 01 nhân viên làm công tác phục vụ), đảm bảo các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H1-1.4-01].

b) Nhà trường có 10 nhân viên 01 kế toán kiêm văn thư; 01 nhân viên Y tế, 02 bảo vệ, 06 nhân viên nấu ăn (trong đó 01 nhân viên làm công tác phục vụ) được Hiệu trưởng phân công thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng quy định tại điều 36 của Điều lệ trường mầm non, theo năng lực cá nhân, trình độ chuyên môn và tình hình thực tế công việc của trường, tạo sự nhịp nhàng trong quá trình hoạt động chung của nhà trường [H1-1.4-01].

c) Hằng năm, đội ngũ nhân viên được đánh giá xếp loại viên chức theo quy định, 100% đội ngũ nhân viên trường được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-06].

#### **Mức 2**

a) Số lượng nhân viên ở trường chưa đáp ứng đủ theo quy định, tại thời điểm

đánh giá trường có: 01 nhân viên kế toán kiêm nhiệm công tác văn thư; 05 nhân viên cấp dưỡng; 01 nhân viên phục vụ, 02 nhân viên bảo vệ [H1-1.4-01];

b) Đội ngũ nhân viên có tinh thần đoàn kết, có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm qua trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-06].

### **Mức 3**

a) Nhân viên văn thư kiêm nhiệm công tác kế toán có bằng cao đẳng công nghệ thông tin, trình độ cao đẳng tài chính kế toán; 05/05 nhân viên cấp dưỡng có bằng sơ cấp nấu ăn; 01 nhân viên phục vụ có bằng sơ cấp nấu ăn; 01 nhân viên bảo vệ có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ [H1-1.4-01].

b) Hằng năm, các nhân viên trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ như: Tập huấn công tác văn thư lưu trữ, tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm, tập huấn sơ cấp cứu, tai nạn thương tích, tập huấn phòng cháy chữa cháy, tập huấn mắt học đường, tập huấn truyền thông giáo dục sức khỏe [H1-1.6-02].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ nhân viên nhà trường năng động, có trách nhiệm, biết sử dụng công nghệ thông tin, có trình ngoại ngữ phù hợp, hoạt động nề nếp đáp ứng nhu cầu công việc.

## **3. Điểm yếu**

Trường còn 01 nhân viên bảo vệ chưa có chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì nề nếp và động viên tinh thần làm việc nhiệt tình, tự học của đội ngũ nhân viên, thực hiện tốt công tác chăm lo kịp thời các chế độ lương, phụ cấp, nguồn kinh phí hỗ trợ và động viên nhân viên cấp dưỡng tham gia học các lớp bồi dưỡng chuyên môn theo đúng nhiệm vụ được giao.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

### **Điểm mạnh nổi bật:**

Cán bộ quản lý đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, được đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm đạt từ tốt trở lên.

Giáo viên phân công hợp lý, đủ số lượng đáp ứng yêu cầu công tác, trình độ trên chuẩn đạt 73.9%

Nhân viên có tinh thần trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao, trình độ đào tạo của nhân viên đáp ứng nhiệm vụ được phân công.

#### **Điểm yếu cơ bản:**

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng của trường chưa tham gia lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ anh văn từ B1 trở lên.

Tỷ lệ giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá đến tốt còn thấp theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Trường còn 01 Giáo viên có trình độ chuyên môn trung cấp (đang học nâng chuẩn) và 01 nhân viên bảo vệ chưa có chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

#### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học:**

##### **Mở đầu**

Trong những năm qua, nhà trường được đầu tư về cơ sở vật chất theo hướng ngày càng hiện đại, khung cảnh sư phạm xanh, sạch, đẹp, các công trình được xây dựng kiên cố. Khuôn viên nhà trường có tường rào bao quanh, sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo yêu cầu.

Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động quản lý và giáo dục đầy đủ; nhà trường chú trọng đầu tư nâng cấp sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất hàng năm.

Khối phòng hành chính quản trị đảm bảo theo yêu cầu quy định.

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ cho công tác giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

##### ***Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn***

##### ***Mức 1:***

a) Diện tích khu đất xây dựng, diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo qui định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi, cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng;

#### *Mức 2:*

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo qui định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo qui định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ;

#### *Mức 3:*

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ;

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Trường Mầm non Bình Chiểu được xây dựng trên nền đất cũ của trường với tổng diện tích khu đất xây dựng công trình: 2714m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 2414m<sup>2</sup>, diện tích bình quân 7.4m<sup>2</sup>/trẻ chưa đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định bình quân đạt tỉ lệ 8m<sup>2</sup>/trẻ [H3-3.1-01]; [H1-1.4-07]. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố gồm 01 trệt, 01 lầu và đầy đủ các phòng học, phòng sinh hoạt và các phòng chức năng khác [H3-3.1-01]; [H1-1.4-07]. Trường có 02 cổng, có biển tên trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Khuôn viên có tường bao

quanh; đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H1-1.4-07].

b) Trường có 02 cổng, có biển tên trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Khuôn viên có tường bao quanh; đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H1-1.4-07].

c) Các lớp học đều có hiên chơi và hành lang với diện tích đảm bảo  $0.5\text{m}^2/1$  trẻ, thuận tiện cho giáo viên tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi, tổ chức cho trẻ ăn uống. Trường có 04 khu vực sân chơi được quy hoạch, thiết kế phù hợp, thuận tiện cho trẻ vui chơi: Khu chơi cát và nước, khu trò chơi dân gian, khu trò chơi vận động được bố trí ở sân trệt. Sân chơi tuy không rộng nhưng thoáng mát, có bố trí mảng xanh và hợp đồng với công ty dịch vụ công ích đến cắt tỉa cây xanh thường xuyên tạo vẻ mỹ quan và tạo thêm bóng mát cho sân trường [H1-1.4-07].

## **Mức 2**

a) Diện tích khu đất xây dựng công trình  $2414\text{m}^2$ , diện tích sân chơi, sân vườn và đường đi  $300\text{m}^2$  chưa đảm bảo đạt theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, có nhiều cây xanh tạo bóng mát cho trẻ chơi, cây xanh thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp, có vườn cây và vườn rau dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập và vui chơi [H1-1.4-07].

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định đáp ứng đúng theo từng lứa tuổi [H1-1.4-04]; [H1-1.4-07].

## **Mức 3**

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động cho trẻ [H1-1.4-07], có đầy đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với từng lứa tuổi, đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1.4-04]. So với quy định diện tích sân chơi hơi nhỏ, vì thế ít nhiều cũng làm hạn chế các hoạt động ngoài trời, hoạt động tổ chức lễ hội cho trẻ.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường được xây dựng kiên cố; có biển tên trường, khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn. Hiên chơi có lan can đúng theo quy định. Sân chơi thoáng mát, có nhiều cây xanh được chăm sóc thường xuyên cho trẻ vận động ngoài trời phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và đảm bảo an toàn cho trẻ trong các hoạt động.

### **3. Điểm yếu**

Sân trường chật hẹp nên việc bố trí đồ chơi dụng cụ ngoài trời chưa thẩm mỹ, chưa tạo điều kiện cho trẻ chơi thoải mái.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2024 Hiệu trưởng phát động phong trào và tổ chức các hội thi trong giáo viên làm đồ dùng dạy học và đồ chơi ngoài trời cho trẻ chú trọng đến tính đa năng và sử dụng hiệu quả với khuôn viên diện tích nhỏ của trường. Phân công phó hiệu trưởng cùng tổ chuyên môn tận dụng khu vực sảnh các nhóm lớp sắp xếp và tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển vận động nhằm tăng cường vận động cho trẻ.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

***Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập***

*Mức 1:*

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương đương với số nhóm, lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (chung với phòng sinh hoạt đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học;*

*Mức 2:*

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đạt chuẩn theo qui định;*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo qui định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng;*

*Mức 3:*

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc;*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Nhà trường có 12 phòng học được bố trí thành 12 nhóm, lớp theo đúng độ tuổi: 05 nhóm nhà trẻ (trong đó có 01 nhóm 6-12 tháng tuổi, 01 nhóm 13-18 tháng tuổi, 01 nhóm 19-24 tháng tuổi, 02 nhóm 25-36 tháng tuổi) và 08 lớp mẫu giáo [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có 12 phòng sinh hoạt chung mỗi phòng đảm bảo diện tích 1.67m<sup>2</sup>/trẻ là nơi tổ chức các hoạt động vui chơi, học tập, ăn, ngủ cho trẻ đáp ứng được nhu cầu tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em nhà trường. Trường có phòng nghệ thuật rộng 59m<sup>2</sup>, phòng thể chất rộng 59m<sup>2</sup> đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.4-04]; [H1-1.4-07].

c) Nhà trường có hệ thống đèn, quạt đầy đủ; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học dành cho giáo viên và đồ dùng, đồ chơi, học liệu được sắp xếp gọn gàng, tất cả các phòng đều được trang bị đủ đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng – đồ chơi – thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non phục vụ cho hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại trường [H1-1.4-07].

#### **Mức 2**

a) Nhà trường có 12 phòng sinh hoạt chung mỗi phòng đảm bảo diện tích 1.67m<sup>2</sup>/trẻ. Phòng sinh hoạt chung là nơi tổ chức các hoạt động vui chơi, học tập, ăn, ngủ cho trẻ đáp ứng được yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ. Trường không có phòng thể chất nên đã tận dụng dãy hành lan và bố trí sân chơi để tổ chức các hoạt động cho trẻ [H3-3.1-01].

b) Trường trang bị đầy đủ các tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu phục vụ cho công tác chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non;

đồ dùng, đồ chơi trong các nhóm, lớp phục vụ học tập được sắp xếp hợp lý, an toàn và thuận tiện cho trẻ lấy và sử dụng trong quá trình học tập, vui chơi [H1-1.4-04]; [H1-1.4-07].

### **Mức 3**

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc [H3-3.1-01], trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: Guitar, đàn, dụng cụ âm nhạc, trang phục... Đến thời điểm hiện nay trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các phòng sinh hoạt chung cho các lớp. Phòng sinh hoạt chung kết hợp làm nơi tổ chức ăn, ngủ cho trẻ bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, có đủ đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ hoạt động; có tranh ảnh, trang trí đẹp, phù hợp lứa tuổi và áp dụng các quan điểm, tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm trong việc xây dựng môi trường giáo dục; hành lang cho trẻ hoạt động đảm bảo an toàn. Có đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt, hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

### **3. Điểm yếu**

Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích chưa đảm bảo theo quy định. Nhà trường chưa có phòng giáo dục thể chất riêng cho trẻ, nhưng tận dụng góc sân để tổ chức các hoạt động phát triển thể chất, chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, Tams.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2024, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, đầu tư sửa chữa, sắp xếp bố trí thêm phòng để tổ chức hoạt động ngoại ngữ, Tams nhằm đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

#### ***Tiêu chí 3.3: Khối phòng nhóm hành chính – quản trị***

##### ***Mức 1:***

a) Có các loại phòng theo qui định: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh cho giáo viên - cán bộ - nhân viên, khu để xe của trường;

b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;

c) Khu để xe cho cán bộ - giáo viên – nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

Mức 2:

a) Đảm bảo diện tích theo qui định;

b) Khu để xe có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi;

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non;

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Trường có các loại phòng theo qui định: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng hành chính - quản trị được sử dụng chung làm phòng phó hiệu trưởng và phòng hành chánh; phòng y tế, phòng bảo vệ nhà trường, phòng dành cho nhân viên, có 04 khu vực nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và 03 khu để xe của trường [H3-3.1-01]; [H1-1.4-07].

b) Phòng làm việc có đầy đủ phương tiện gồm: Bàn ghế làm việc, máy vi tính và máy in, hệ thống đèn, quạt...; phòng y tế có trang bị bàn nhận thuốc, giường chăm sóc trẻ mệt, tủ thuốc, cân và thước đo, máy vi tính, máy in, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ; phòng dành cho nhân viên có máy vi tính, máy in và tủ đựng đồ dùng cá nhân cho nhân viên; phòng bảo vệ có đầy đủ trang thiết bị tối thiểu để làm việc, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt và trang bị đầy đủ dụng cụ vệ sinh [H1-1.4-07].

c) Nhà trường có bố trí khu vực để xe của Cán bộ, giáo viên, nhân viên với diện tích 30m<sup>2</sup> có mái che và được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn. Diện tích khu để xe

chưa đảm bảo so với số lượng đỗ xe của cán bộ, giáo viên và nhân viên nên còn khó khăn trong việc lấy và cất xe [H3-3.1-01]; [H1-1.4-07].

## **Mức 2**

a) Phòng Hiệu trưởng tại tầng trệt, có diện tích 30m<sup>2</sup>, phòng Phó Hiệu trưởng và phòng hành chính quản trị có diện tích 30m<sup>2</sup>, phòng y tế 11m<sup>2</sup>, có đầy đủ các thiết bị y tế, phòng dành cho nhân viên 15m<sup>2</sup>, phòng bảo vệ nhà trường có 4.25m<sup>2</sup> chưa đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Khu đỗ xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên diện tích 30m<sup>2</sup>, có mái che đảm bảo an toàn [H1-1.4-07].

## **Mức 3**

Trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, Tiếng

### **2. Điểm mạnh**

Trường có các phòng làm việc theo quy định với đầy đủ trang thiết bị và có khu vực đỗ xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo an toàn, an ninh trật tự.

### **3. Điểm yếu**

Diện tích các phòng chưa đủ diện tích theo quy định, chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Phòng phó hiệu trưởng và phòng hành chính quản trị sử dụng chung.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2024, Hiệu trưởng tiếp tục đảm bảo các điều kiện làm việc thiết yếu cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành nhiệm vụ; Hiệu trưởng có kế hoạch tham mưu với lãnh đạo cấp trên về công tác sửa chữa, xây dựng trường đảm bảo đủ các phòng theo quy định nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

#### ***Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn***

##### ***Mức 1:***

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố.;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các qui định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn;*

*Mức 2:*

*Bếp ăn đảm bảo theo qui định tại Điều lệ trường mầm non;*

*Mức 3:*

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non;*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Trường có bếp ăn được xây dựng kiên cố để chế biến thức ăn cho trẻ theo quy trình bếp một chiều [H3-3.1-01].

b) Kho thực phẩm có khu vực phân chia các loại thực phẩm khô và nước riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.4-07]; [H1-1.10-02].

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hằng ngày đạt theo quy định [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08].

### **Mức 2**

Bếp ăn của trường chưa đảm bảo diện tích theo quy định của Điều lệ trường mầm non (theo văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT, ngày 24/12/2015) cụ thể: Khu bếp có diện tích 73m<sup>2</sup>, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn [H3-3.1-01]; sử dụng gas công nghiệp [H1-1.4-08]. Trường có đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ, máy móc hiện đại phục vụ công tác chế biến thực phẩm cho trẻ như: tủ hấp cơm, tủ sấy chén, máy xay thịt, ép nước quả, sinh tố. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hằng ngày [H1-1.4-08]; [H1-1.4-07]. Kho thực phẩm có phân chia khu vực theo từng loại thực phẩm riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]. Trường thực hiện đúng việc xử lý rác hằng ngày theo quy định [H1-1.7-02]. Khu vực bếp gas được lắp đặt đúng quy định cách xa khu chế biến, có hệ thống báo cháy đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ [H1-1.4-07]; [H1-1.10-01].

### **Mức 3**

Bếp ăn của nhà trường chưa đảm bảo diện tích theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, quy định tại khoản 1, 2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07:2010/BYT [H3-3.1-01].

## **2. Điểm mạnh**

Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố, theo quy trình bếp một chiều, có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ em ăn bán trú tại trường.

## **3. Điểm yếu**

Diện tích nhà bếp 73m<sup>2</sup> với số trẻ 366 chưa đủ diện tích theo qui định, việc bố trí qui trình bếp một chiều chỉ đáp ứng nhu cầu an toàn thực phẩm, chưa có phòng phân chia thức ăn riêng, tận dụng hành lang để làm khu vực tiếp phẩm. Bếp ăn cơ sở 2 chưa có hàng rào chắn giữa khu vực bếp với khu vực hoạt động của trẻ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 8 năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng có kế hoạch tham mưu với lãnh đạo cấp trên về công tác xây dựng trường đảm bảo đủ các điều kiện về khối phòng tổ chức ăn cho trẻ theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Phân công Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất của bếp để có kế hoạch bảo dưỡng, thông thoáng hơn. Duy trì hoạt động bếp một chiều để đảm bảo bếp ăn hợp vệ sinh an toàn thực phẩm.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi***

#### ***Mức 1:***

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục qui định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa;*

#### ***Mức 2:***

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo qui định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm;*

*Mức 3:*

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục qui định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ;*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Nhà trường có kế hoạch bổ sung các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ quy định tại Thông tư 02/2010/BGDĐT và văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành Danh mục đồ dùng – đồ chơi – thiết bị dạy học tối thiểu, dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.4-04]. Các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học được giáo viên sử dụng thường xuyên, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, vui chơi, sinh hoạt đem lại hiệu quả cao trong công tác nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-04].

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định, nhà trường còn trang bị thêm một số đồ dùng, đồ chơi thay thế đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ, giáo viên thi làm đồ dùng đồ chơi thiết thực, phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính giáo dục an toàn nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi của trẻ trong lớp và ngoài trời; nhà trường thường xuyên phát động các phong trào, hội thi làm đồ dùng, đồ chơi trong đội ngũ giáo viên. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với lứa tuổi trẻ [H1-1.4-04]; [H1-1.4-07].

c) Hằng năm, nhà trường đều có kiểm tra, bổ sung các trang thiết bị cần thiết cho các lớp, giải quyết các yêu cầu đề xuất hợp lý của giáo viên tùy tình hình cấp thiết và kinh phí; Có sổ theo dõi cấp phát, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi hằng năm [H1-1.4-04]. Có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời, đồ chơi tập thể [H3-3.5-01].

### **Mức 2**

a) Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý và các hoạt động dạy học [H1-1.6-07]. Tuy nhiên, hệ thống kết nối Internet đôi lúc rất yếu và thường xuyên bị rớt mạng.

b) Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-04]; [H3-3.5-01].

c) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục [H3-3.5-01]; [H1-1.4-04]. Tổ chức hội thi giáo viên giỏi, làm đồ dùng đồ chơi để phục vụ cho công tác giảng dạy trong nhà trường [H1-1.4-04].

### **Mức 3**

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và các thiết bị ngoài danh mục quy định của nhà trường được giáo viên khai thác, sử dụng thường xuyên đạt hiệu quả trong công tác giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-04]. Tuy nhiên, có một số kệ đã được sử dụng nhiều năm nên đã cũ kỹ.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định, đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, 100% hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học và được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung hằng năm.

Nhà trường thường xuyên phát động các hội thi, phong trào làm đồ dùng, đồ chơi trong đội ngũ giáo viên; các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ, được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

### **3. Điểm yếu**

Hệ thống kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, dạy học do đường truyền mạng còn chậm nên hạn chế trong việc truy cập dữ liệu thông tin ảnh hưởng đến việc thực hiện công tác quản lý và giảng dạy. Một số kệ góc chơi đã sử dụng nhiều năm nên có hơi cũ. Đồ dùng, đồ chơi còn thiếu so với quy định của danh mục đồ dùng, đồ chơi tối thiểu dành cho trẻ mầm non.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 5 năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng căn cứ vào tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch sửa chữa, mua sắm, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đồng thời phân công nhân viên kế toán tích cực lựa chọn các nhà mạng uy tín, có chất lượng để ký hợp đồng sử dụng Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học đạt hiệu quả cao hơn. Đề xuất trang bị kệ đồ chơi mới từ nguồn ngân sách của Nhà nước.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

#### ***Mức 1:***

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường;*

#### ***Mức 2:***

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo qui định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế;*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Các lớp học đều có nhà vệ sinh dành cho trẻ. Nhà vệ sinh của trẻ chia ra nam nữ riêng biệt. Có 03 nhà vệ sinh riêng dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và có 01 nhà vệ sinh dành riêng cho nhân viên nấu ăn. Hệ thống nhà vệ sinh được xây dựng khép kín, sạch sẽ, khô thoáng, đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Nhà trường không có trẻ khuyết tật nên không có phòng vệ sinh dành riêng cho trẻ khuyết tật [H1-1.7-02].

b) Hệ thống công rãnh của trường được xây dựng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, hệ thống đảm bảo vệ sinh môi trường. Được kiểm tra thường xuyên theo định kỳ không để tình trạng ứ đọng và có mùi hôi. Hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; sử dụng nguồn nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ từ Công ty cấp nước Bình Dương đạt tiêu chuẩn thông qua các lần xét nghiệm mẫu nước định kỳ trong năm; trường ký hợp đồng với Công ty nước Ion-life, cung cấp nước uống mỗi ngày cho trẻ [H1-1.7-02]

c) Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường hằng ngày [H1-1.4-07] và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, rác y tế được thu gom tuần/lần [H1-1.7-02]. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường, có thùng đựng và phân loại rác thải, được bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại [H1-1.4-07].

## **Mức 2**

a) Phòng vệ sinh trẻ được xây khép kín bên trong các nhóm lớp, có thiết bị vệ sinh phù hợp với trẻ và đủ để phục vụ cho trẻ vệ sinh cá nhân. Có 04 khu vệ sinh cho Cán bộ - Giáo viên - Nhân viên đảm bảo yêu cầu và trang bị đầy đủ các thiết bị dụng cụ vệ sinh. Tuy nhiên có một số trang thiết bị trong nhà vệ sinh của trẻ và khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đã xuống cấp [H1-1.4-04]; [H1-1.4-07]; [H3-3.1-01].

b) Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch của công ty cấp nước sạch cho trẻ, giáo viên, nhân viên sinh hoạt hằng ngày và nguồn nước thủy cục dùng để nấu, rửa thực phẩm được kiểm nghiệm định kỳ hằng năm tại Viện Paster đạt theo quy định [H1-1.7-02]. Hệ thống thoát nước của nhà trường đảm bảo vệ sinh môi trường, được kiểm tra thường xuyên theo định kỳ [H1-1.4-07]. Nhà trường có hợp đồng với công ty rác dân lập để thu gom và xử lý rác thải theo quy định; xử lý rác hằng ngày, không để rác tồn đọng gây ô nhiễm trong trường nước [H1-1.7-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phòng vệ sinh riêng cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường, được xây dựng phù hợp theo quy

định. Có hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Y tế.

### **3. Điểm yếu**

Một số trang thiết bị trong nhà vệ sinh cho trẻ đã xuống cấp.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2024, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, đầu tư trang bị đồ dùng khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ. Tham mưu với lãnh đạo nâng cấp, lắp đặt một số trang thiết bị vệ sinh theo quy định.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường được xây dựng kiên cố, các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng sạch sẽ. Môi trường hoạt động có đủ đồ dùng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định, có hiên chơi đảm bảo an toàn cho trẻ. Phòng hoạt động nghệ thuật, thoáng mát, đủ ánh sáng, có các dụng cụ phục vụ hoạt động học tập.

Bếp được xây dựng theo quy trình bếp một chiều, có đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ, đa phần bằng inox.

Nhà trường có khối văn phòng làm việc được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc.

#### **Điểm yếu cơ bản**

Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn chưa đảm bảo theo quy định.

Nhà trường chưa có phòng giáo dục thể chất. Phòng Phó Hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng bảo vệ chưa đảm bảo diện tích theo yêu cầu.

Đồ dùng, đồ chơi còn thiếu so với quy định.

Thiết bị trong nhà vệ sinh xuống cấp.

Bếp cơ sở 2 chưa có hàng rào ngăn giữa bếp với khu hoạt động của trẻ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

## **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

### **Mở đầu**

Nhà trường, gia đình và xã hội là ba nhân tố quan trọng trong việc giáo dục trẻ. Nhà trường là nơi truyền đạt kiến thức cho trẻ. Gia đình là nơi trẻ luôn được yêu thương. Xã hội là môi trường thực tế, giúp trẻ hoàn thiện một số kỹ năng trong cuộc sống. Đây là mối liên kết không thể thiếu giúp trẻ phát triển toàn diện. Xác định được tầm quan trọng của các mối quan hệ này, Trường Mầm non Bình Chiểu không ngừng chủ động phối hợp với cha mẹ học sinh và các ban ngành đoàn thể để tạo cho trẻ một môi trường giáo dục tốt nhất, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường.

### **1. Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ**

Mức 1:

a) *Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

b) *Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

c) *Tổ chức thực hiện hoạt động đúng tiến độ;*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ;*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

#### **4.1.1. Mô tả hiện trạng**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Hằng năm, vào đầu năm học trường tổ chức họp phụ huynh nhóm, lớp bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh nhóm, lớp và tổ chức Đại hội cha mẹ học sinh để thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Thông

tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.6-04].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học dựa trên tình hình thực tế của nhà trường đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp cha mẹ trẻ và buổi họp Đại hội đại biểu Ban đại diện cha mẹ trẻ đầu năm; trong đó đề ra các biện pháp phối hợp tốt với nhà trường, các nhóm, lớp để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ giáo viên, nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ [H1-1.6-04].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động theo đúng tiến độ [H1-1.6-04].

## **Mức 2**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, hoạt động lễ hội, đã thực hiện nhiều hoạt động hiệu quả nhằm tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ học sinh chăm sóc, giáo dục trẻ khi ở nhà như: Thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ, gửi tờ rơi, tài liệu tuyên truyền, trao đổi trực tiếp với phụ huynh trong giờ đón trả trẻ, thông qua bảng tuyên truyền của trường và góc tuyên truyền của lớp, thông tin trên loa phát thanh của trường. Tổ chức cho cha mẹ học sinh được tham dự các buổi chuyên đề, hội thảo bằng nhiều nội dung phong phú và phù hợp, thu hút phụ huynh quan tâm như: chuyên đề kỹ năng nuôi dạy, chăm sóc sức khỏe trẻ em, thông tin về tình hình sức khỏe, các mặt phát triển của trẻ cũng được thực hiện tốt thông qua sổ liên lạc, sổ bé ngoan, đặc biệt giáo viên khối lớp 5-6 tuổi đã phối hợp tốt với cha mẹ học sinh trong việc tuyên truyền công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi, phối hợp cùng cha mẹ học sinh rèn luyện cho trẻ đạt được các yêu cầu theo các chỉ số của bộ chuẩn [H1-1.4-07]; [H1-1.4-12]; [H1-1.6-04].

## **Mức 3**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh

[H1-1.6-04]. So với nội dung sinh hoạt, Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch phối hợp với nhà trường chưa cụ thể.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp và hoạt động theo đúng theo điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh có xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học và Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường, với giáo viên để thực hiện các hoạt động đạt hiệu quả và đúng tiến độ đề ra.

## **3. Điểm yếu**

Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch phối hợp với nhà trường chưa cụ thể.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 20245, Ban đại diện cha mẹ trẻ thông nhất với hiệu trưởng cùng phối hợp tốt hơn trong việc thực hiện các công tác xã hội hóa giáo dục giúp nhà trường ngày càng hoàn thiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị đồ dùng đồ chơi đáp ứng công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ thường xuyên tham mưu với Ban đại diện cha mẹ học sinh về tình hình hoạt động của nhà trường để từ đó xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, sát với nhà trường hơn.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định;*

*Mức 2:*

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương;

*Mức 3:*

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương;*

## **1. Mô tả hiện trạng:**

### **Mức 1**

a) Nhà trường tham mưu với Đảng ủy phường, chính quyền địa phương thực hiện các kế hoạch: Công tác tuyển sinh đầu năm, thực hiện an ninh trật tự trường học, an toàn giao thông [H1-1.1-01]. Thông qua các buổi họp giao ban, Bí thư Chi bộ nhà trường sẽ báo cáo tình hình trường lớp những thuận lợi khó khăn của nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

b) Hằng năm, nhà trường đã tuyên truyền đến phụ huynh thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, bảng tin trường, bảng thông báo nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm của cha mẹ trẻ về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường như: Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự... Ngoài ra, giáo viên ở các lớp còn tuyên truyền nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, phòng chống bạo hành, phòng chống dịch bệnh thông qua bản tin lớp, các buổi họp phụ huynh, trao đổi trực tiếp giữa giáo viên và phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ [H1-1.6-04].

c) Nhà trường phối kết hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh để huy động các nguồn lực hợp pháp cho nhà trường. Tuy nhiên chưa huy động được các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường [H1-1.6-04].

### **Mức 2**

a) Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về kế hoạch bổ sung thiết bị, cải tạo sửa chữa

trường lớp và cải tạo sân chơi cho trẻ nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đồng thời chuẩn bị tốt cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường trong năm học 2024 - 2025 cũng như để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đã đề ra [H4-4.1-01].

b) Nhà trường phối hợp với Đảng ủy phường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch: Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường, Trung thu, tết Nguyên đán, Quốc tế thiếu nhi, Ngày hội Tòng quân, Ngày Thành lập Quân Đội nhân dân Việt Nam, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7,... phù hợp với truyền thống của địa phương [H1-1.4-12].

### **Mức 3**

Trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với công an phường, dân quân, hội khuyến học nhằm thực hiện tốt nếp sống văn minh, môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn giao thông, an ninh trật tự nơi làm việc, học tập gắn với quy chế văn hóa công sở đối với cán bộ công chức, viên chức; chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị tại địa phương để xây dựng nhà trường luôn xanh, sạch, đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh an toàn cho trẻ; thực hiện ký kết liên tịch về đảm bảo an ninh trật tự với công an phường Bình Chiểu [H1-1.10-01]; [H1-1.7-02]. Hằng năm, nhà trường được công nhận “Đơn vị văn hóa” [H1-1.2-02].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã chủ động tham mưu tốt với các cấp lãnh đạo địa phương và huy động được các nguồn lực xã hội để đầu tư, hỗ trợ nhà trường trong công tác bổ sung trang thiết bị, xây dựng môi trường sạch đẹp, an toàn.

### **3. Điểm yếu**

Chưa huy động được các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy sự chủ động, tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, cá nhân, tổ chức doanh nghiệp ở địa phương để tăng cường huy động các nguồn lực tham gia xây dựng cơ sở

vật chất cho nhà trường ngày một khang trang, hiện đại hơn, hỗ trợ nhà trường nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

##### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

##### **Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường đã chủ động thực hiện mối quan hệ tốt với các ban ngành, đoàn thể tại địa phương, tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền, nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục. Thực hiện tốt về quy trình Đại hội cha mẹ học sinh, trường đã có được Ban đại diện cha mẹ học sinh đầy nhiệt huyết, hết lòng cho sự phát triển của nhà trường, các hoạt động đều đi đúng Điều lệ quy định. Nhà trường đã có các biện pháp và hình thức phù hợp để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả tốt nhất.

##### **Điểm yếu cơ bản:**

Chưa huy động được các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

#### **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

##### **Mở đầu**

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non là nền tảng cho các bậc học tiếp theo. Chính vì vậy, việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non là nhiệm vụ hàng đầu và là yếu tố đầu tiên để hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.

##### ***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

##### ***Mức 1:***

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp;*

*Mức 2:*

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng.*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ;*

*Mức 3:*

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục Đào tạo. Cán bộ quản lý và giáo viên xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần, ngày. Các kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ có các nội dung, phương pháp, biện pháp cụ thể cho từng lứa tuổi đúng với sự chỉ đạo của cấp trên. Giáo viên tổ chức các hoạt động theo đúng lịch hoạt động và đúng với kế hoạch đã đề ra giúp trẻ phát triển đầy đủ các lĩnh vực thể chất, trí tuệ, tình cảm, đạo đức, thẩm mỹ [H1-1.1-01].

b) Nhà trường đã phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức. Thực hiện kết nối mạng nội bộ cho các lớp, giáo viên thực hiện việc

soạn kế hoạch năm, tháng, tuần trên phần mềm Mindjet Manager giúp cho cán bộ quản lý dễ dàng trong việc quản lý, kiểm tra và duyệt kế hoạch [H1-1.4-06].

c) Phó hiệu trưởng giáo dục và các tổ trưởng đều có duyệt kế hoạch, giáo án cho giáo viên 02 tuần/lần [H1-1.4-02], nhận xét, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Hằng tháng, nhà trường đều tiến hành họp hội đồng sư phạm [H1-1.1-02]; sinh hoạt chuyên môn, họp tổ khối nhận xét, đánh giá việc thực hiện Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.4-02]. Hằng năm, trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường đều có báo cáo kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.1-04].

## **Mức 2**

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng. Hằng năm trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường đều có kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đánh giá việc thực hiện Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.1-04].

b) Định kỳ Cán bộ quản lý nhà trường kết hợp chặt chẽ với giáo viên nhóm lớp rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo đúng Thông tư 17/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, văn hóa địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.4-06]. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 05 tuổi, giáo viên lớp 5-6 tuổi thiết kế bộ công cụ, lập bảng theo dõi đánh giá sự phát triển của trẻ từ đó điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp. 118/118 trẻ 5-6 tuổi trong trường được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, tỷ lệ 100% [H4-4.1-01].

## **Mức 3**

a) Nhà trường thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục mầm non theo đúng Thông tư 17/2009 và 28/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, văn hóa địa phương đáp ứng

khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.4-06]. Tuy nhiên, chưa mạnh dạn tham khảo, áp dụng Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

b) Hằng năm, nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục và chăm sóc trẻ, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với từng địa phương [H1-1.1-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức thực hiện đúng Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với lứa tuổi học sinh.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa thường xuyên kiểm tra định kỳ rà soát kế hoạch giáo dục của giáo viên, hồ sơ kế hoạch giáo dục của giáo viên chưa cập nhật đầy đủ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tốt việc phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ, phù hợp với văn hóa địa phương. Phó Hiệu trưởng giáo dục lập kế hoạch bồi dưỡng cho các giáo viên mới nắm bắt kịp thời Chương trình giáo dục mầm non như: Tham gia các lớp bồi dưỡng do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham dự các chuyên đề, các tiết thao giảng. Cán bộ quản lý cùng giáo viên mạnh dạn học tập Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ***

#### ***Mức 1:***

a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

b) *Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế;*

*Mức 2:*

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế;*

*Mức 3:*

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”;*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm. Thông qua giờ hoạt động ngoài trời, hoạt động học, hoạt động chiều, lễ hội và hoạt động tham quan bên ngoài nhà trường 02 lần/năm, nhằm giúp trẻ phát triển tính ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh [H1-1.4- 06]; [H1-1.4-12].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm lớp. Hằng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức hoạt động tham quan bên ngoài nhà trường, nhằm giúp cho toàn thể học sinh trong trường được vui chơi, giải trí, rèn luyện những kỹ năng sống, nhằm giúp cho học sinh được hòa mình với thiên nhiên, tạo sự gắn bó, đoàn kết trong tập thể [H1-1.4-06]; [H1-1.4-12].

### **Mức 2:**

Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ. Tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm, trẻ được tham gia các hoạt động lễ hội do nhà

trường tổ chức, lễ hội Trung thu, Erobic, hội thi “Nét vẽ xanh” và các lễ hội nhằm kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm [H1-1.4-06]; [H1-1.4-12].

### **Mức 3**

Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên sự hứng thú, nhu cầu của trẻ và theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H1-1.4-06]; [H1-1.4-12].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện các phương pháp đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với trẻ và điều kiện của nhà trường. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, tham gia hoạt động vui chơi.

### **3. Điểm yếu**

Tổ chức môi trường hoạt động ngoài lớp học chưa kích thích trẻ hứng thú khám phá trải nghiệm, sắp xếp môi trường giáo dục chưa phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng cùng phó hiệu trưởng có kế hoạch sắp xếp môi trường giáo dục ngoài lớp học phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị kích thích hứng thú tạo cơ hội cho trẻ tham gia vui chơi, khám phá và trải nghiệm trong hoạt động hằng ngày.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

#### ***Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe***

##### ***Mức 1:***

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học;*

##### ***Mức 2:***

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học;

#### Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường;

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Hằng năm, nhà trường đều phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng quận Thủ Đức, Trạm y tế phường Bình Chiểu tổ chức khám sức khỏe 01 lần/năm và tẩy giun định kỳ cho trẻ 02 lần/năm; cho trẻ dưới 36 tháng uống Vitamin A; phối hợp xử lý rác thải y tế khi có yêu cầu của nhà trường; phối hợp xịt muỗi thường xuyên để phòng bệnh sốt xuất huyết cho trẻ có chiến dịch tiêm chủng mở rộng, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh [H1-1.4-07]; [H1-1.7-02].

b) Năm học 2018 - 2019: 382/382 đạt 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng trong sổ theo dõi sức khỏe theo quy định [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]; [H1-1.7-02].

c) Nhà trường có xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. 100% trẻ được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tổ chức tăng cường vận động đối với trẻ dư cân, béo phì và có chế độ ăn riêng, chế độ ăn thêm cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi. Do đó, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học [H1-1.4-08]; [H1-1.4-07].

#### **Mức 2**

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em qua các buổi họp phụ huynh, qua các chuyên đề, hội thảo [H1-1.6-04]. Giáo viên, nhân viên y tế trực tiếp tư vấn trao đổi cùng phụ huynh qua các giờ đón trả trẻ, tuyên truyền về sức khỏe qua bảng tin của lớp, của trường [H1-1.4-07].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT.

c) 100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp [H1-1.4-08]. Tuy nhiên, số lượng trẻ béo phì chưa giảm nhiều so với đầu vào.

### **Mức 3**

Năm học 2023 - 2024 trường có 220/235 trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt tỷ lệ 93.64% [H1-1.4-08].

#### **1. Điểm mạnh**

Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho học sinh 100% trẻ được khám sức khỏe, theo dõi biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Nhà trường có các biện pháp phù hợp chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng thừa cân béo phì.

#### **2. Điểm yếu**

Nhà trường chưa thường xuyên tư vấn cho phụ huynh về chăm sóc trẻ thừa cân béo phì và tỷ lệ trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường còn thấp so với quy định.

#### **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025, Phó Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch luyện tập thừa cân, béo phì bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thường xuyên tăng cường tổ chức hoạt động vận động cho trẻ trong lớp, ngoài trời, thường xuyên phối hợp các bác sĩ, trung tâm dinh dưỡng tổ chức các chuyên đề về dinh dưỡng, sức khỏe tư vấn cho phụ huynh. Ngoài ra, vận động phụ huynh sắp xếp thời gian tạo điều kiện cho trẻ được đi bơi, đạp xe đạp ngoài trời nhằm giảm tỷ lệ trẻ dư cân, béo phì tại trường.

#### **4. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

#### ***Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục***

##### ***Mức 1:***

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân;

#### Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%;

#### Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%;

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Tính đến thời gian thực hiện báo cáo tự đánh giá, tỷ lệ chuyên cần trẻ đến trường đạt tỉ lệ cao, cụ thể: Nhóm trẻ 6-36 tháng tuổi đạt tỷ lệ 82%, trẻ 3-4 tuổi đạt tỷ lệ 84.2%, trẻ 4-5 tuổi đạt tỷ lệ 88.1%. Nhà trường phối hợp với phổ cập giáo dục phường Bình Chiểu thực hiện tốt việc tăng cường huy động trẻ lứa tuổi mầm non đến trường, nhất là trẻ 5-6 tuổi đạt tỷ lệ chuyên cần 92% [H1-1.5-01].

b) Trong các năm học qua nhà trường phối hợp tốt với gia đình huy động tốt trẻ 5 tuổi ra lớp, đảm bảo 118/118 đạt tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình

giáo dục mầm non. Trẻ được chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, làm quen chữ viết, chữ số... Chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào lớp Một [H4-4.1-01].

c) Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01]. Riêng đối với trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm thực hiện hồ sơ gửi cấp trên để được hỗ trợ học phí, và chăm lo tặng quà tết [H5-5.4-01].

## **Mức 2**

a) Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh và quản lý trẻ chặt chẽ hằng ngày thông qua việc: Yêu cầu phụ huynh báo trước hoặc gửi đơn xin phép khi bé nghỉ học, nếu trẻ vắng không phép giáo viên liên hệ với phụ huynh để biết lý do trẻ nghỉ học [H1-1.5-01]. Trẻ đi học chuyên cần đạt tỷ lệ cao: Nhóm trẻ 6-36 tháng tuổi đạt tỷ lệ 82%, trẻ 3-4 tuổi đạt tỷ lệ 8.2%, trẻ 4-5 tuổi đạt tỷ lệ 88.1%, trẻ 5-6 tuổi đạt tỷ lệ 92%. [H1-1.5-01].

b) Trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi được chuẩn bị một cách đầy đủ về tâm thế để giúp trẻ thích nghi khi bước vào lớp một, năm học 2023 - 2024, 100% trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện đầy đủ hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi [H4-4.1-01].

c) Từ năm học 2020 - 2021 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

## **Mức 3**

a) Nhà trường đạt 100% trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H4-4.1-01].

b) Từ năm học 2020 - 2021 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có sự phối hợp tốt với chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương và phụ huynh trong công tác huy động trẻ 05 tuổi đến trường và đảm bảo trẻ được hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Năm học 2023 - 2024, 100% trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được đánh giá theo Bộ chuẩn

phát triển trẻ 05 tuổi.

### **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ chuyên cần chưa đạt 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi, 95% đối với trẻ 5 tuổi.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025 Hiệu trưởng tiếp tục giữ vững chỉ tiêu 100% trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 05 tuổi. Phó hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên tổ chức nhiều hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng giúp trẻ ham thích đến lớp đồng thời phối hợp với cha mẹ trẻ, động viên khuyến khích trẻ đi học đầy đủ đạt tỷ lệ chuyên cần theo quy định.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

##### **Điểm mạnh nổi bật:**

Thực hiện đầy đủ Chương trình giáo dục mầm non theo quy định.

Tổ chức môi trường giáo dục tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi.

Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho học sinh: 100% trẻ được khám sức khỏe, theo dõi sức khỏe theo quy định.

##### **Điểm yếu cơ bản:**

Nhà trường chưa thường xuyên kiểm tra định kỳ rà soát kế hoạch giáo dục của giáo viên, hồ sơ kế hoạch giáo dục của giáo viên chưa đầy đủ.

Tổ chức môi trường hoạt động trẻ chưa được khám phá trải nghiệm, chưa phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế.

Tỷ lệ chuyên cần chưa đạt 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi, 95% đối với trẻ 5 tuổi.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

### **III. KẾT LUẬN CHUNG**

Với tinh thần và trách nhiệm trường đã tự nhìn nhận và đánh giá lại những mặt được cũng như tồn tại để có kế hoạch cải tiến, khắc phục, tạo động lực thúc đẩy chất lượng cao hơn, được lãnh đạo và nhân dân tín nhiệm nhiều hơn.

Đối chiếu với kết quả chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường, so sánh với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT về Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, công văn số 5942/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá ngoài trường mầm non; qua việc tự đánh giá Trường Mầm non Bình Chiểu nhận thấy đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt

Mức 1: 25/25; đạt tỷ lệ: 100%;

Mức 2: 14/25; đạt tỷ lệ: 56%;

Mức 3: 01/19; đạt tỷ lệ: 04%.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/25 tiêu chí - Tỷ lệ 0%.

- Mức đánh giá của Trường mầm non Bình Chiểu: Đạt mức 1.

- Trường Mầm non non Bình Chiểu đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của trường ngày càng hoàn thiện và đạt chất lượng hơn./.

*Thủ Đức, ngày 29 tháng 06 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Võ Như Ý**

## PHẦN IV: PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                 | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|--------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí 1.1</b> | 1            | [H1-1.1-01]          | Kế hoạch phát triển chiến lược, kế hoạch năm học                                      | Từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2024 - 2025                                       | Trường Mầm non Bình Chiểu                        | Hiệu trưởng                  |
|                     | 2            | [H1-1.1-02]          | Sở hợp liên tịch, sở hợp Hội đồng sư phạm, sở hợp ban giám hiệu, sở hợp tổ chuyên môn | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025                                       | Trường Mầm non Bình Chiểu                        | Hiệu trưởng                  |
|                     | 3            | [H1-1.1-03]          | Hồ sơ công khai                                                                       | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025                                       | Trường Mầm non Bình Chiểu                        | Văn thư                      |
|                     | 4            | [H1-1.1-04]          | Báo cáo sơ kết, tổng kết                                                              | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025                                       | Trường Mầm non Bình Chiểu                        | Hiệu trưởng                  |

|                     |    |             |                             |                                                     |                                     |                                     |
|---------------------|----|-------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>Tiêu chí 1.2</b> | 5  | [H1-1.2-01] | Hồ sơ Hội đồng trường       | Quyết định số 712/QĐ-UBND, ngày 8 tháng 10 năm 2021 | Trường Mầm non Bình Chiểu           | Hiệu trưởng                         |
|                     | 6  | [H1-1.2-02] | Hồ sơ thi đua – khen thưởng | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025      | Trường Mầm non Bình Chiểu           | Phó Hiệu trưởng Giáo dục            |
|                     | 7  | [H1-1.2-03] | Hồ sơ Hội đồng khoa học     | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025      | Trường Mầm non Bình Chiểu           | Hiệu trưởng                         |
| <b>Tiêu chí 1.3</b> | 8  | [H1-1.3-01] | Hồ sơ Công đoàn             | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025      | Công đoàn Trường Mầm non Bình Chiểu | Chủ tịch Công đoàn                  |
|                     | 9  | [H1-1.3-02] | Hồ sơ Chi đoàn              | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025      | Chi đoàn Trường Mầm non Bình Chiểu  | Bí thư Chi đoàn                     |
|                     | 10 | [H1-1.3-03] | Hồ sơ Hội chữ thập đỏ       | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025      | Trường Mầm non Bình Chiểu           | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 11 | [H1-1.3-04] | Hồ sơ Hội khuyến học        | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025      | Trường Mầm non Bình Chiểu           | Phó Hiệu trưởng Giáo dục            |

|                             |    |             |                                                                        |                                                   |                              |                             |
|-----------------------------|----|-------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
|                             | 12 | [H1-1.3-05] | Hồ sơ Đảng                                                             | Từ năm 2020 đến 2025                              | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Hiệu trưởng                 |
|                             | 13 | [H1-1.3-06] | Hồ sơ đánh giá, xếp loại<br>công chức – viên chức<br>và người lao động | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Văn thư                     |
|                             | 14 | [H1-1.3-07] | Hồ sơ đánh giá, xếp loại<br>Chuẩn Hiệu trưởng, Phó<br>Hiệu trưởng      | Từ năm học 2014 - 2015<br>đến năm học 2018 - 2019 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Văn thư                     |
|                             | 15 | [H1-1.3-08] | Hồ sơ đánh giá, xếp loại<br>Chuẩn nghề nghiệp giáo<br>viên             | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Văn thư                     |
| <b>Tiêu<br/>chí<br/>1.4</b> | 16 | [H1-1.4-01] | Hồ sơ quản lý nhân sự                                                  | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Văn thư                     |
|                             | 17 | [H1-1.4-02] | Hồ sơ tổ chuyên môn                                                    | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Giáo viên                    | Khối trưởng<br>chuyên môn   |
|                             | 18 | [H1-1.4-03] | Hồ sơ bồi dưỡng thường<br>xuyên                                        | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Phó hiệu trưởng<br>Giáo dục |
|                             | 19 | [H1-1.4-04] | Hồ sơ quản lý tài sản                                                  | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Phó hiệu trưởng<br>Giáo dục |

|  |    |             |                                                                                                                   |                                                   |                              |                                                                          |
|--|----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
|  | 20 | [H1-1.4-05] | Hồ sơ giáo viên                                                                                                   | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Phó hiệu trưởng<br>Giáo dục                                              |
|  | 21 | [H1-1.4-06] | Kế hoạch giáo dục các<br>lớp                                                                                      | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Phó hiệu trưởng<br>Giáo dục                                              |
|  | 22 | [H1-1.4-07] | Hình ảnh cơ sở vật chất,<br>các hoạt động trong nhà<br>trường, hình ảnh tuyên<br>truyền, phòng chống<br>dịch bệnh | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Phó hiệu trưởng<br>Giáo dục                                              |
|  | 23 | [H1-1.4-08] | Hồ sơ quản lý công tác<br>bán trú                                                                                 | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Phó Hiệu trưởng<br>chăm sóc<br>nuôi dưỡng                                |
|  | 24 | [H1-1.4-09] | Hồ sơ chuyên đề                                                                                                   | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Phó Hiệu trưởng<br>chăm sóc<br>nuôi dưỡng<br>Phó hiệu trưởng<br>Giáo dục |
|  | 25 | [H1-1.4-10] | Hồ sơ quản lý tài chính                                                                                           | Từ năm 2020 đến 2025                              | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Kế toán                                                                  |

|                             |    |             |                                                               |                                                   |                              |                             |
|-----------------------------|----|-------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
|                             | 26 | [H1-1.4-11] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ                                         | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Hiệu trưởng                 |
|                             | 27 | [H1-1.4-12] | Hồ sơ hoạt động lễ hội<br>– tham quan bên ngoài<br>nhà trường | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Phó hiệu trưởng<br>Giáo dục |
| <b>Tiêu<br/>chí<br/>1.5</b> | 28 | [H1-1.5-01] | Hồ sơ quản lý học sinh                                        | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Phó hiệu trưởng<br>Giáo dục |
| <b>Tiêu<br/>chí<br/>1.6</b> | 29 | [H1-1.6-01] | Hồ sơ công tác văn thư<br>lưu trữ                             | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Văn thư                     |
|                             | 30 | [H1-1.6-02] | Hồ sơ bồi dưỡng<br>chuyên môn                                 | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Phó hiệu trưởng<br>Giáo dục |
|                             | 31 | [H1-1.6-03] | Phiếu Cán bộ quản lý<br>dự giờ giáo viên                      | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Phó hiệu trưởng<br>Giáo dục |
|                             | 32 | [H1-1.6-04] | Hồ sơ hoạt động của<br>ban đại diện cha mẹ học<br>sinh        | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Hiệu trưởng                 |
|                             | 33 | [H1-1.6-05] | Hồ sơ thực hiện quy chế<br>dân chủ                            | Từ năm học 2020 - 2021<br>đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non<br>Bình Chiểu | Hiệu trưởng                 |

|                     |    |             |                                               |                                                |                           |                                     |
|---------------------|----|-------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------|
|                     | 34 | [H1-1.6-06] | Hồ sơ Hội nghị cán bộ - công chức - viên chức | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Hiệu trưởng                         |
|                     | 35 | [H1-1.6-07] | Các hợp đồng quản lý                          | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Hiệu trưởng                         |
| <b>Tiêu chí 1.7</b> | 36 | [H1-1.7-01] | Hồ sơ chế độ, chính sách                      | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Văn thư                             |
|                     | 37 | [H1-1.7-02] | Hồ sơ y tế học đường                          | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| <b>Tiêu chí 1.9</b> | 38 | [H1-1.9-01] | Hồ sơ tiếp công dân                           | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Hiệu trưởng                         |
|                     | 39 | [H1-1.9-02] | Hồ sơ ban thanh tra nhân dân                  | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Ban thanh tra nhân dân              |
|                     | 40 | [H1-1.9-03] | Hồ sơ thực thi nhiệm vụ, công vụ              | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Hiệu trưởng                         |
|                     | 41 | [H1-1.9-04] | Hồ sơ tuyển dụng, bổ nhiệm                    | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Văn thư                             |

|                      |    |              |                                                                       |                                                |                           |                                     |
|----------------------|----|--------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------|
| <b>Tiêu chí 1.10</b> | 42 | [H1-1.10-01] | Hồ sơ an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng chống cháy chữa cháy | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Phó Hiệu trưởng Chăm sóc nuôi dưỡng |
|                      | 43 | [H1-1.10-02] | Hồ sơ vệ sinh an toàn thực phẩm                                       | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Phó Hiệu trưởng Chăm sóc nuôi dưỡng |
|                      | 44 | [H1-1.10-03] | Hồ sơ phổ biến pháp luật                                              | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Cán bộ pháp chế                     |
| <b>Tiêu chí 3.1</b>  | 45 | [H3-3.1-01]  | Hồ sơ quản lý nhà đất                                                 | Năm 2001                                       | Đơn vị thi công           | Văn thư                             |
| <b>Tiêu chí 3.5</b>  | 46 | [H3-3.5-01]  | Hồ sơ sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị                | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Phòng hành chính                    |
| <b>Tiêu chí 4.1</b>  | 47 | [H4-4.1-01]  | Hồ sơ phổ cập                                                         | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Phó hiệu trưởng Giáo dục            |
| <b>Tiêu chí 5.4</b>  | 48 | [H5-5.4-01]  | Hồ sơ miễn giảm học phí cho trẻ khó khăn                              | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 | Trường Mầm non Bình Chiểu | Văn thư                             |

